

Lời nói đầu

Mỗi doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình luôn phải tạo được doanh thu và đảm bảo tạo được lợi nhuận từ khoản doanh thu đó. Doanh thu có thể được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau do đó quy trình hạch toán cũng được phân chia ra thành rất nhiều loại, mỗi nguồn doanh thu lại có một quy trình hạch toán khác nhau. Chính vì vậy, từng doanh nghiệp phải làm tốt công tác quản lý, công tác tổ chức kế toán, đặc biệt là công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, đây là công cụ giúp cho doanh nghiệp tồn tại và phát triển vững mạnh.

Qua quá trình thực tập tại công ty cổ phần Hai Sao, được sự giúp đỡ và chỉ bảo của giáo viên hướng dẫn Thạc sỹ Phạm Văn Tường, ban lãnh đạo và phòng kế toán công ty, em đã có cơ hội tìm hiểu thực tế công tác tổ chức kế toán tại công ty và đi sâu vào nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Hai Sao”

Sau khi kết thúc thời gian thực tập, em đã hoàn thành Báo cáo thực tập tốt nghiệp gồm các phần sau:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Hai Sao.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Hai Sao.

Do thời gian thực tập là có hạn nên khóa luận tốt nghiệp của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn.

Hải phòng, ngày 26 tháng 06 năm 2012

Sinh viên

Vũ Thị Hồng Nhung

Chương I

Những vấn đề cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản:

1.1.1.1. Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

***/ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 14-“ Doanh thu và thu nhập khác” Ban hành và công bố theo quyết định số 149/ QĐ- BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng bộ tài chính: Doanh thu bán hàng hóa chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

***/ Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối Kế toán
- Xác định được các chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***/ Các loại doanh thu:**

♦ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được hoặc số thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng gồm các khoản phụ thu và phí phụ bên ngoài giá bán.

♦ *Doanh thu tiêu thụ nội bộ:*

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

♦ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được liên quan tới hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán. Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng, lãi do cho vay vốn, lãi bán hàng trả chậm, lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, cổ tức và lợi nhuận được chia, thu từ cho thuê quyền sở hữu, sử dụng tài sản, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản, chiết khấu thanh toán được hưởng, thu nhập khác có liên quan đến hoạt động tài chính.

♦ **Thu nhập khác**

Là các khoản thu nhập, các khoản thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản thu có tính chất không thường xuyên như: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, các khoản thuế được ngân sách Nhà nước hoàn lại, thu nhập từ quà biếu tặng bằng tiền hoặc hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp...

1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh bán hàng, thu hồi nhanh vốn kinh doanh, doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng, nếu khách hàng mua với khối lượng lớn sẽ được hưởng chiết khấu thương mại, còn nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá.

♦ **Chiết khấu thương mại**

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

♦ **Giảm giá hàng bán**

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận trên giá đã thoả thuận trong hoá đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách đã ghi trong hợp đồng.

♦ **Hàng bán bị trả lại**

Hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và bị từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết; vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị mất; kém phẩm chất; không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

♦ ***Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp***

Đây là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau.

Thuế TTĐB : là số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp tính trên tỷ lệ % doanh thu bán hàng của hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế TTĐB.

Thuế xuất khẩu : là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp tính trên tỷ lệ % doanh thu bán hàng của hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế XK.

Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp theo phương pháp trực tiếp : là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

1.1.1.3. Chi phí

Theo chuẩn mực số 01 “ Chuẩn mực chung” ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ- BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC thì:

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định. Chi phí bao gồm các khoản chi phí sau:

♦ ***Giá vốn hàng bán***

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn của hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm không nhập kho mà xuất bán thẳng chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm hoàn thành.

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

- Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn của hàng xuất kho để bán bao gồm trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thì giá vốn chính là các chi phí thực tế phát sinh như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung của dịch vụ (Giá thành thực tế của dịch vụ) được tập hợp trong kỳ.

♦ *Chi phí bán hàng*

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp, bao gồm: chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển; chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm; chi phí nhân viên bán hàng; chi phí dụng cụ, đồ dùng, khấu hao tài sản cố định phục vụ bán hàng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác...

♦ *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí có liên quan tới toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp, bao gồm: các chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng, các khoản thuế, phí, lệ phí, dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác...

♦ *Chi phí hoạt động tài chính*

Chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như chi phí tiền lãi vay và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi nhuận, tiền bản quyền... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền. Nội dung chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
- Chi phí cho vay và đi vay vốn
- Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ
- Các chi phí khác.

♦ ***Chi phí khác:***

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

Nội dung của chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- Các khoản chi phí khác

♦ ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.1.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong năm tài chính.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm giá cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất sản phẩm của xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Kết quả hoạt động tài chính: Là chênh lệch giữa thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác: Là chênh lệch giữa khoản thu nhập khác và chi phí khác.

*** Công thức xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:**

+/ Lợi nhuận DT thuần Giá vốn Chi phí bán hàng
từ hoạt động = về bán hàng - hàng bán - và chi phí quản lý
sx kinh doanh và cc dịch vụ doanh nghiệp

Trong đó:

Doanh thu thuần về bán hàng = Doanh thu bán hàng - Các khoản giảm
và cung cấp dịch vụ và cung cấp dịch vụ trừ doanh thu

+/ Lợi nhuận từ = Doanh thu từ - Chi phí từ
hoạt động tài chính hoạt động tài chính hoạt động tài chính

+/ Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Kết quả kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp chính là lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế TNDN. Và được xác định bằng công thức sau:

Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	=	Lợi nhuận từ hoạt động sx kinh doanh	+	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	+	Lợi nhuận khác
-----------------------------------------	---	--------------------------------------------	---	----------------------------------------	---	----------------

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Lợi nhuận trước thuế TNDN	-	Chi phí thuế TNDN
----------------------------	---	------------------------------	---	-------------------

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ có thể mang giá trị âm hoặc dương (lỗ hoặc lãi). Nếu lỗ sẽ được xử lý bù đắp theo chế độ quy định của chế độ tài chính.

1.1.2. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất. Do đó, doanh nghiệp cần phải kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí để biết được kinh doanh mặt hàng nào, lĩnh vực nào đạt hiệu quả cao, đồng thời xem xét, phân tích những mặt nào còn hạn chế. Từ đó doanh nghiệp có thể đưa ra giải pháp, chiến lược kinh doanh đúng đắn nhất. Vì vậy, doanh nghiệp cần phải hiểu rõ vai trò của doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để có thể tổ chức công tác kế toán thật hợp lý và phù hợp với loại hình kinh doanh của doanh nghiệp.

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, là nguồn vốn để tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác...

Đồng thời các doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến việc quản lý chi phí, bởi vì nếu chi phí không hợp lý, không đúng với thực chất của nó, đều gây ra những khó khăn trong quản lý và đều làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Cuối cùng, doanh nghiệp phải xác định kết quả kinh doanh dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra. Xác định đúng kết quả sản xuất kinh doanh giúp cho doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của mình, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra các chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu trình sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định và phân phối kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu nhập, xử lý và cung cấp thông tin cho chủ doanh nghiệp, giám đốc điều hành, cơ quan chủ quản, quản lý tài chính, thuế... để lựa chọn phương án kinh doanh có hiệu quả, giám sát việc chấp hành chính sách, chế độ kinh tế, tài chính, chính sách thuế...

1.2. Nội dung doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Các phương thức bán hàng:

- ***Phương thức bán hàng trực tiếp:*** Theo phương thức này người mua đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp bán. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng, nếu hội đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu, không kể người mua đã thanh toán hay mới chỉ chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu.

- ***Phương thức gửi hàng:*** Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thoả thuận trên hợp đồng. Khi xuất kho, hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp.

- ***Phương thức bán thông qua đại lý:*** Trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán.

- ***Phương thức bán hàng trả góp:*** Theo phương thức này, khi xuất giao hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán 1 phần tiền hàng, còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và chịu khoản lãi theo điều khoản trong hợp đồng. Hàng giao được xác định là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần, còn khoản lãi do bán trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

- ***Phương thức bán hàng trả chậm:*** Doanh nghiệp chuyển quyền sở hữu sản phẩm cho khách hàng và nhận lấy sự cam kết của khách hàng trong tương lai. Như vậy doanh thu bán hàng sẽ được xác định ở kỳ này nhưng đến kỳ sau mới có tiền nhập quỹ.

- ***Phương thức bán hàng đổi hàng:*** Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào.

1.2.1.2. Kế toán chi tiết các khoản doanh thu.

✓ ***Chứng từ sổ sách sử dụng***

- Hoá đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hoá đơn thông thường Mẫu số 01 GTKT3/001)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT)
- Phiếu thu tiền mặt (Mẫu số 01-TT)
- Uỷ nhiệm chi, séc chuyển khoản, bảng sao kê của ngân hàng...
- Bảng sao kê của ngân hàng
- Bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái và sổ chi tiết tài khoản 511, 512, 515, 521, 531, 532, 333
- Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính

✓ ***Tài khoản sử dụng:***

****/ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.***

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

Kết cấu của TK 511:

➤ Bên nợ:

- Các khoản giảm doanh thu bán hàng (Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại)
- Số thuế xuất khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số thành phẩm được xác định trong kỳ.
- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu thuần sang tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh.

➤ Bên có:

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ.

Tài khoản 511 không có số dư.

Tài khoản 511 có 5 tài khoản cấp 2:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

****/Tài khoản 512 : Doanh thu tiêu thụ nội bộ***

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

➤ Bên Nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 512 có 3 tiểu khoản cấp 2:

- Tài khoản 5121 – Doanh thu bán hàng hoá

- Tài khoản 5122 – Doanh thu bán các thành phẩm

- Tài khoản 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

****/ Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.***

Kết cấu TK515:

➤ Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp nếu có

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK911.

➤ Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh.

- Chiết khấu thanh toán được hưởng.

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh của hoạt động kinh doanh, phát sinh khi bán ngoại tệ, do đánh giá lại các khoản mục có nguồn gốc ngoại tệ.

- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản(giai đoạn trước hoạt động).

- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

TK515 không có số dư.

****/ Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại.***

Kết cấu của TK521:

Bên nợ: Chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

Bên có: Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK511 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

TK521 không có số dư.

TK 521 gồm 3 tài khoản cấp 2:

TK5211 – Chiết khấu hàng hoá

TK5212 – Chiết khấu thành phẩm

TK5213 – Chiết khấu dịch vụ

****/ Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại.***

Kết cấu của TK 531:

➤ *Bên nợ:*

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.

➤ *Bên có:*

Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ của TK511 hoặc TK512 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư.

****/ Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán.***

Kết cấu của TK532:

➤ *Bên nợ:*

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách quy định trong hợp đồng kinh tế.

➤ *Bên có:*

Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK511 hoặc TK512 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 532 không có số dư.

****/ Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước.***

Tài khoản này phản ánh các quan hệ của doanh nghiệp với nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào ngân sách nhà nước trong kỳ kế toán năm.

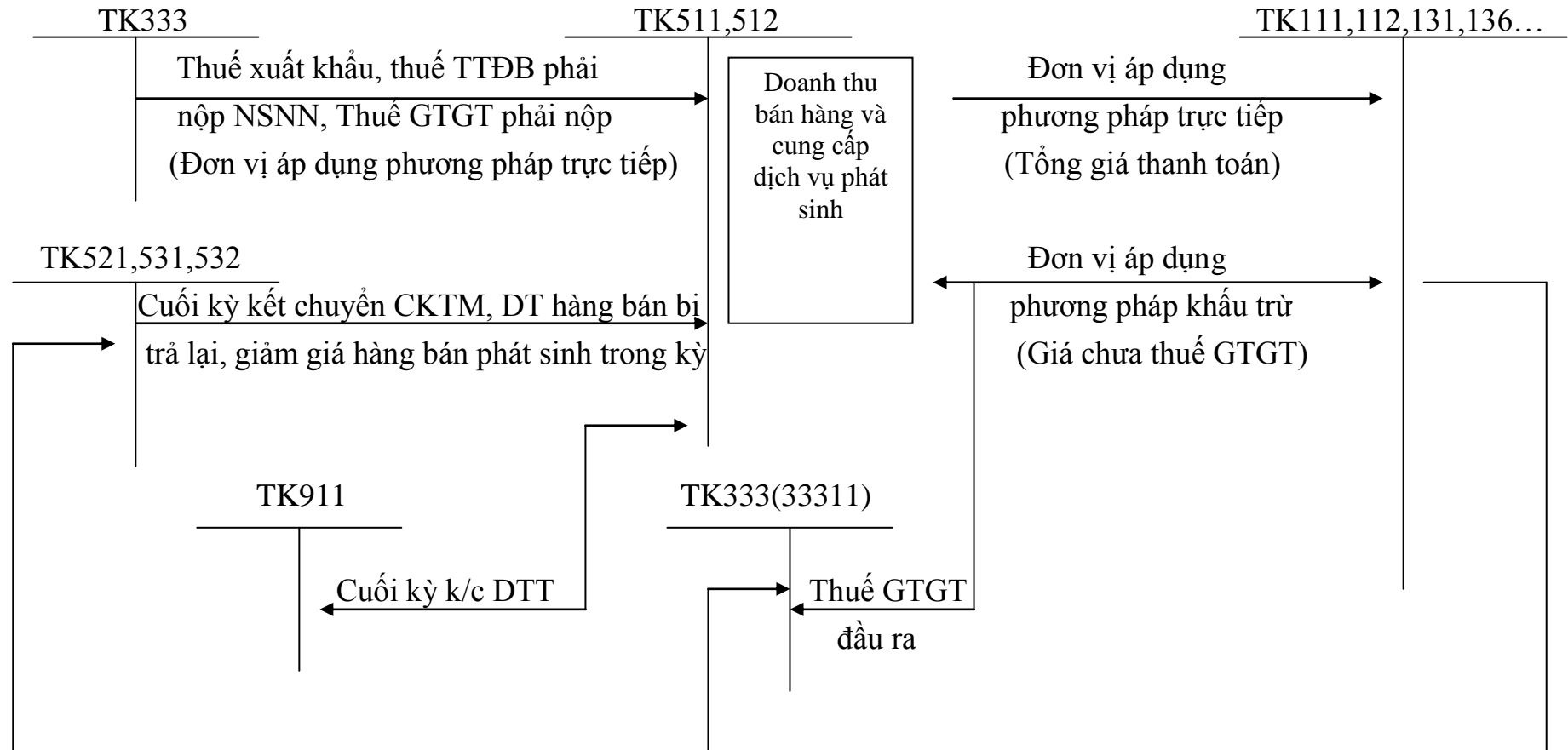
***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

Và các tài khoản liên quan khác như: TK 111, 112, 131...

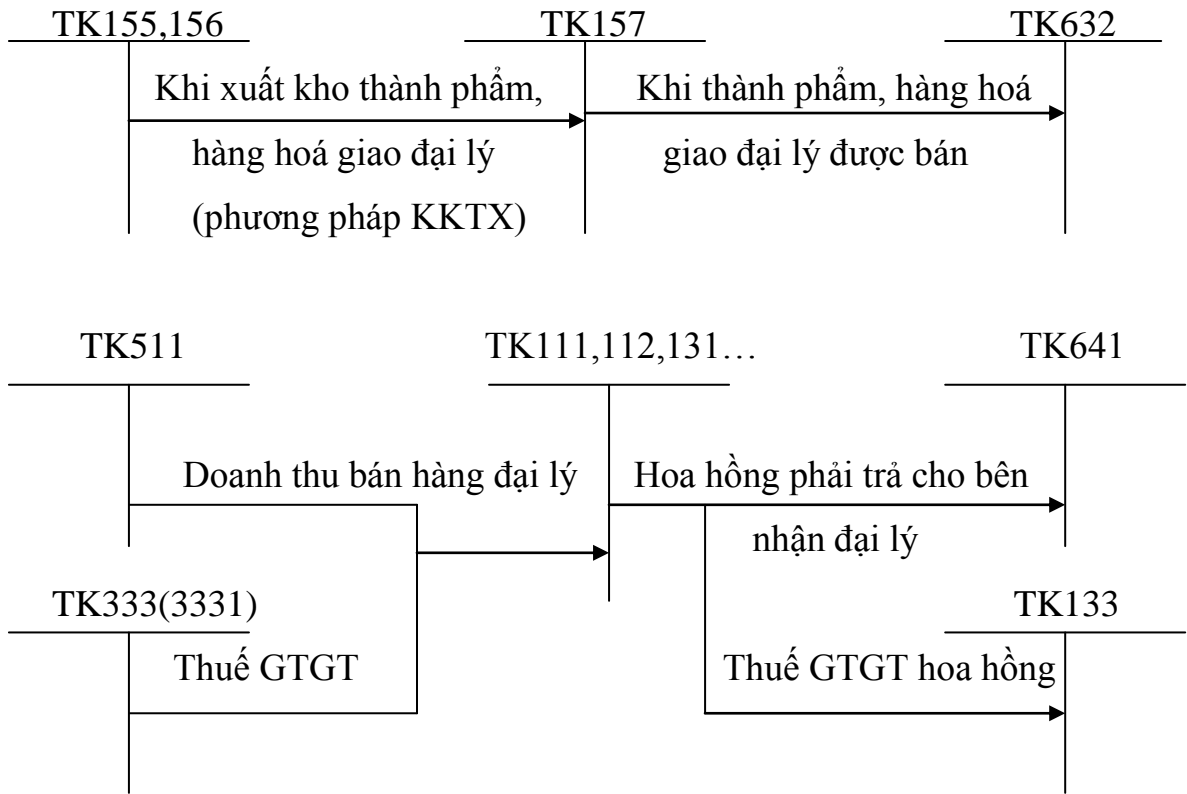
****/ Tài khoản 711 – Thu nhập khác.***

Tài khoản này phản ánh các khoản thu nhập từ hoạt động thanh lý TSCĐ, Các khoản thuê được nhà nước miễn giảm, giảm trừ thuế TNDN, các khoản được bồi thường...Tài khoản 711 có kết cấu giống kết cấu của các tài khoản phản ánh Nguồn vốn

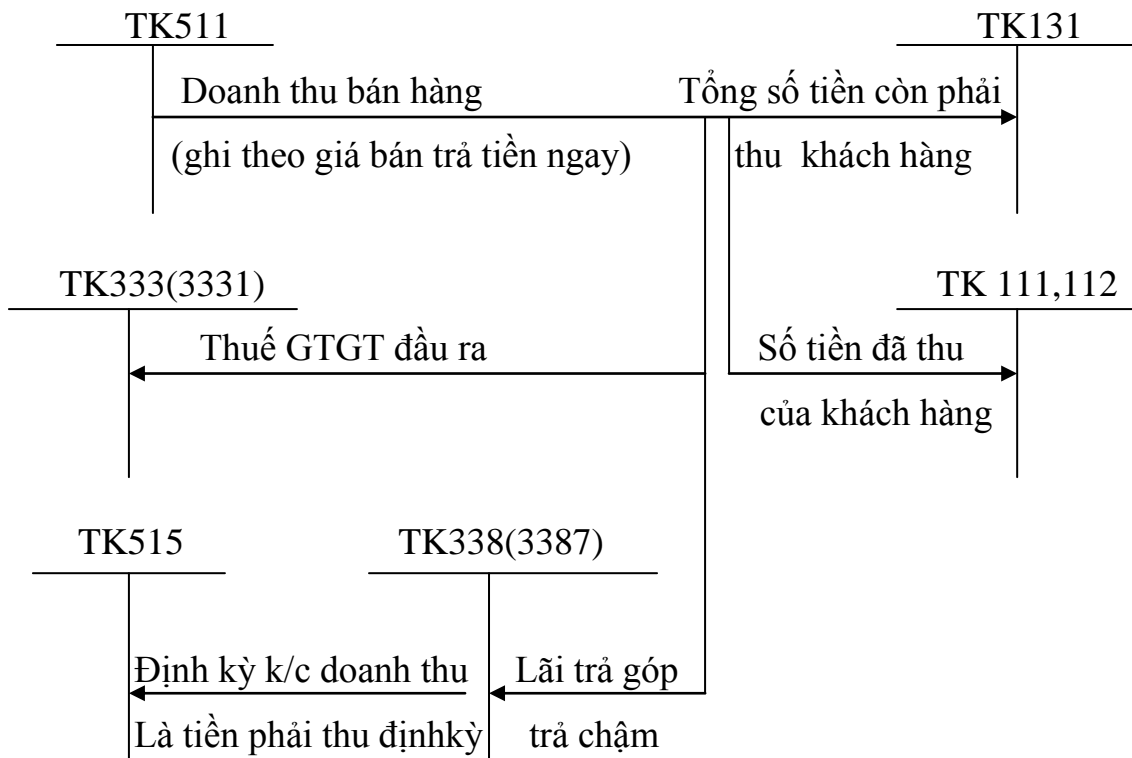
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



**Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý
(Theo phương thức bán đúng giá)**

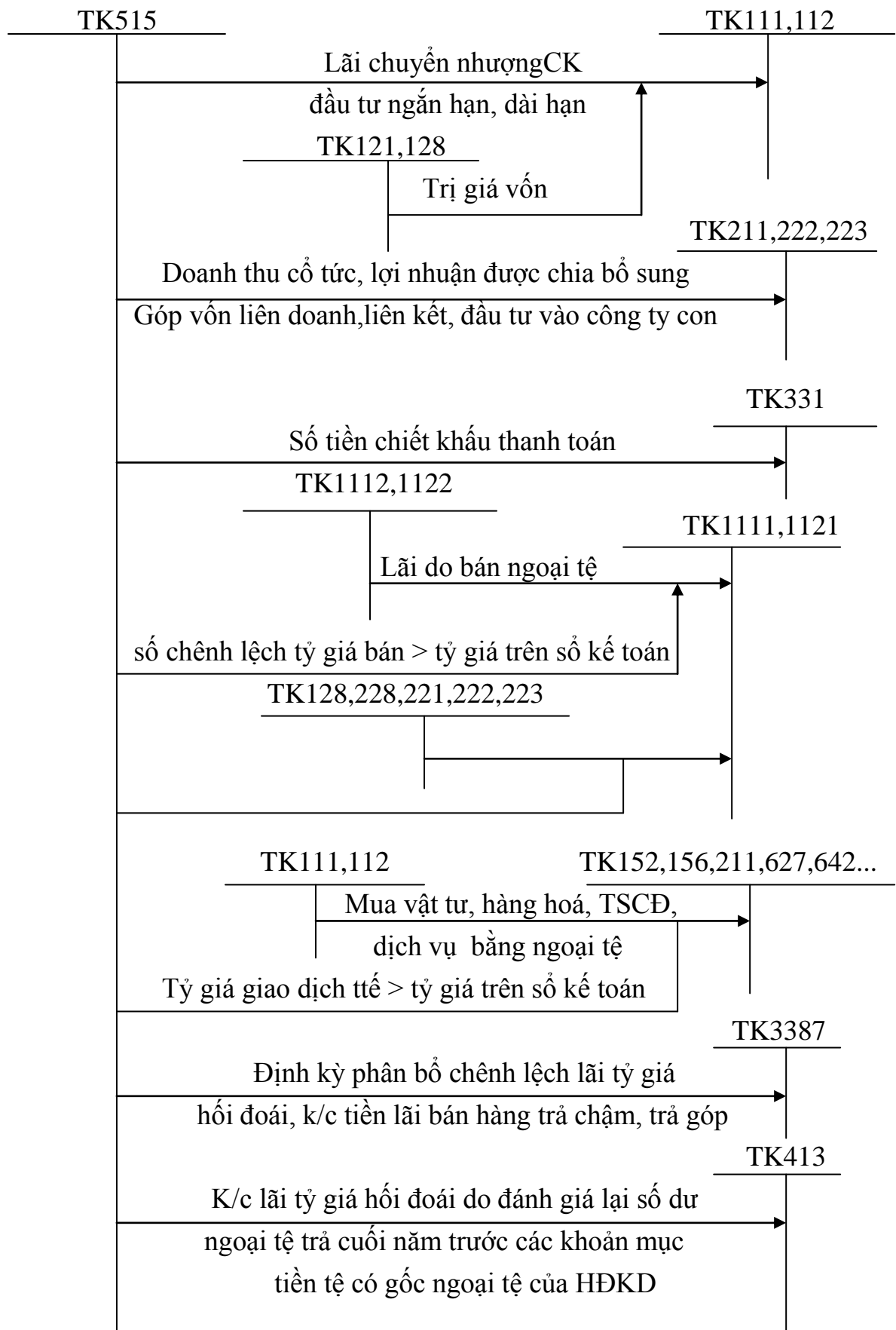


Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)

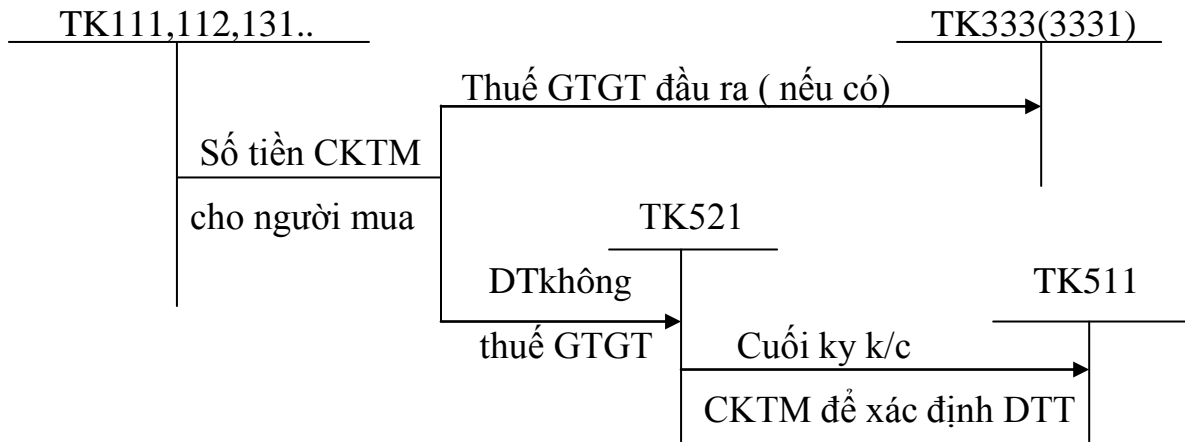


**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao**

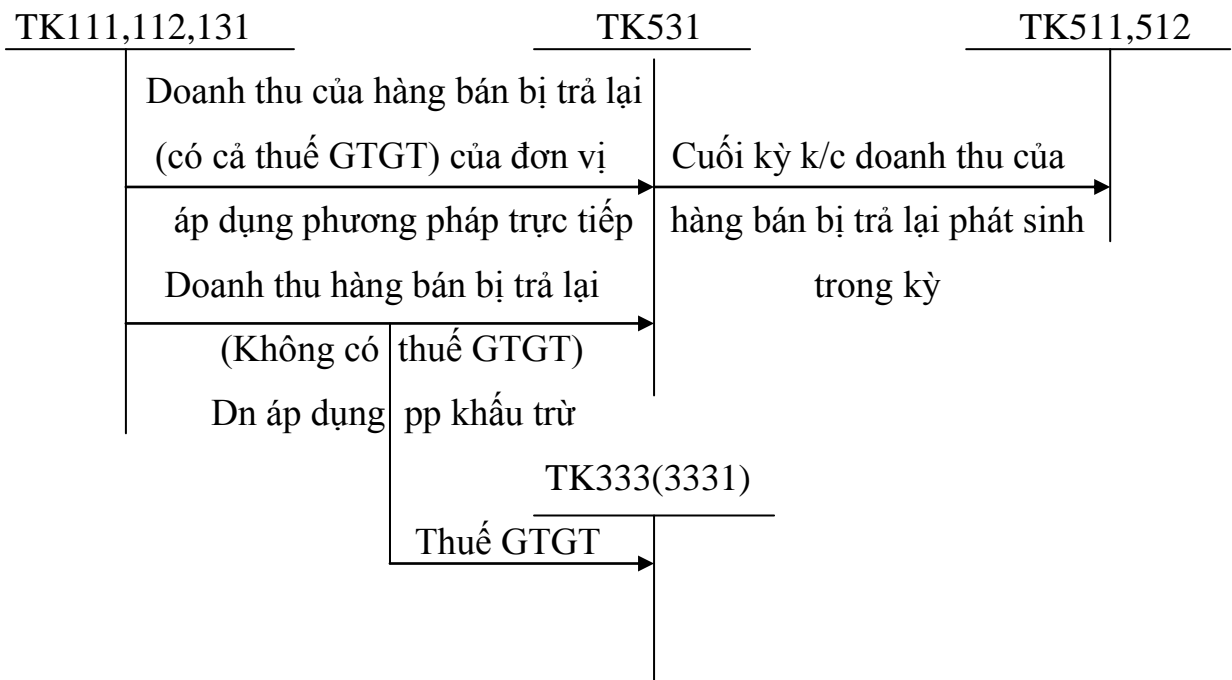
Sơ đồ 1. 4: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu hoạt động tài chính



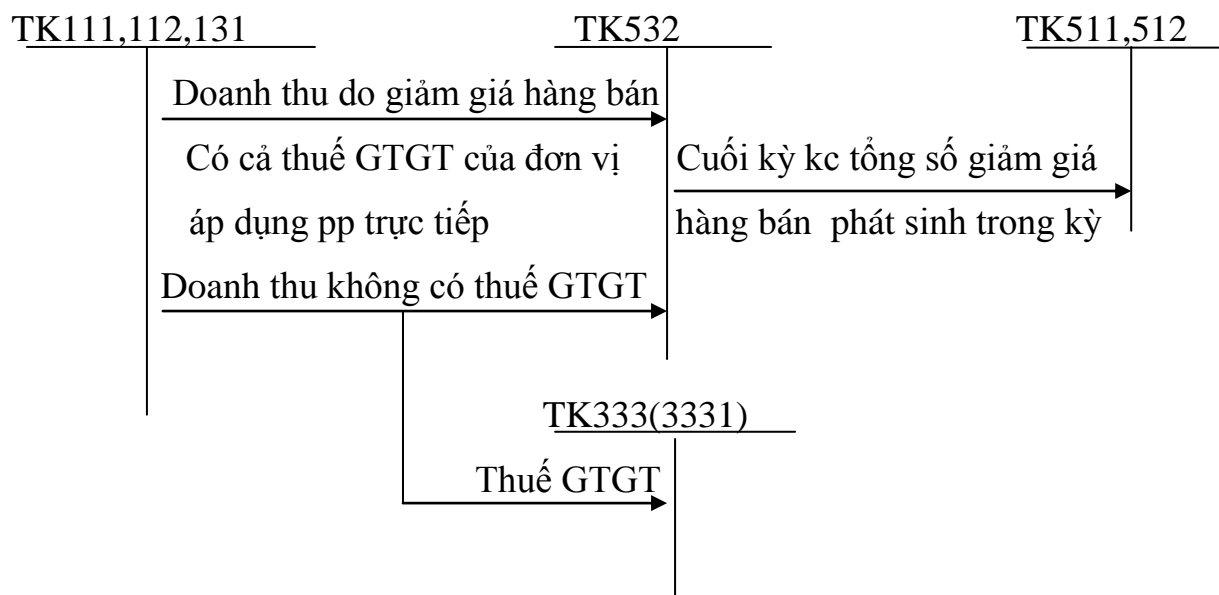
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán tổng hợp chiết khấu thương mại



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán tổng hợp hàng bán bị trả lại



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán tổng hợp giảm giá hàng bán



1.2.2 Kế toán các khoản chi phí.

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Trị giá vốn hàng xuất kho để bán:

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

*** Phương pháp giá thực tế đích danh**

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao**

*** Phương pháp bình quân gia quyền**

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

<i>Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho</i>	=	<i>Số lượng hàng xuất kho</i>	*	<i>Đơn giá bình quân gia quyền</i>
----------------------------------------------	---	-------------------------------	---	------------------------------------

+/ Nếu đơn giá bình quân tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:

<i>Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ</i>	=	<i>Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ</i> + <i>Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ</i>	+	<i>Số lượng hàng tồn đầu kỳ</i> + <i>Số lượng hàng nhập trong kỳ</i>
-------------------------------------------------	---	--------------------------------------------------------------------------------------------------------	---	----------------------------------------------------------------------

+/ Nếu đơn giá bình quân tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn:

<i>Đơn giá bình quân gia quyền sau lần nhập thứ i</i>	=	<i>Trị giá sản phẩm, hàng hoá tồn kho sau lần nhập thứ i</i> <hr style="width: 90%; margin: 0 auto;"/> <i>Số lượng sản phẩm, hàng hoá tồn kho sau lần nhập thứ i</i>
-------------------------------------------------------	---	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

*** Phương pháp nhập trước - xuất trước**

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

*** Phương pháp nhập sau - xuất trước**

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên.

+/ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Hợp đồng kinh tế
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

+/ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 "Giá vốn hàng bán"

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

✓ Bên nợ:

- Giá vốn hàng đã bán
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

✓ Bên có:

- Kết chuyển giá vốn của hàng đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra, kế toán hàng tồn kho còn sử dụng các tài khoản khác liên quan như: TK 155, TK 156 và TK 611, TK 631 (đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

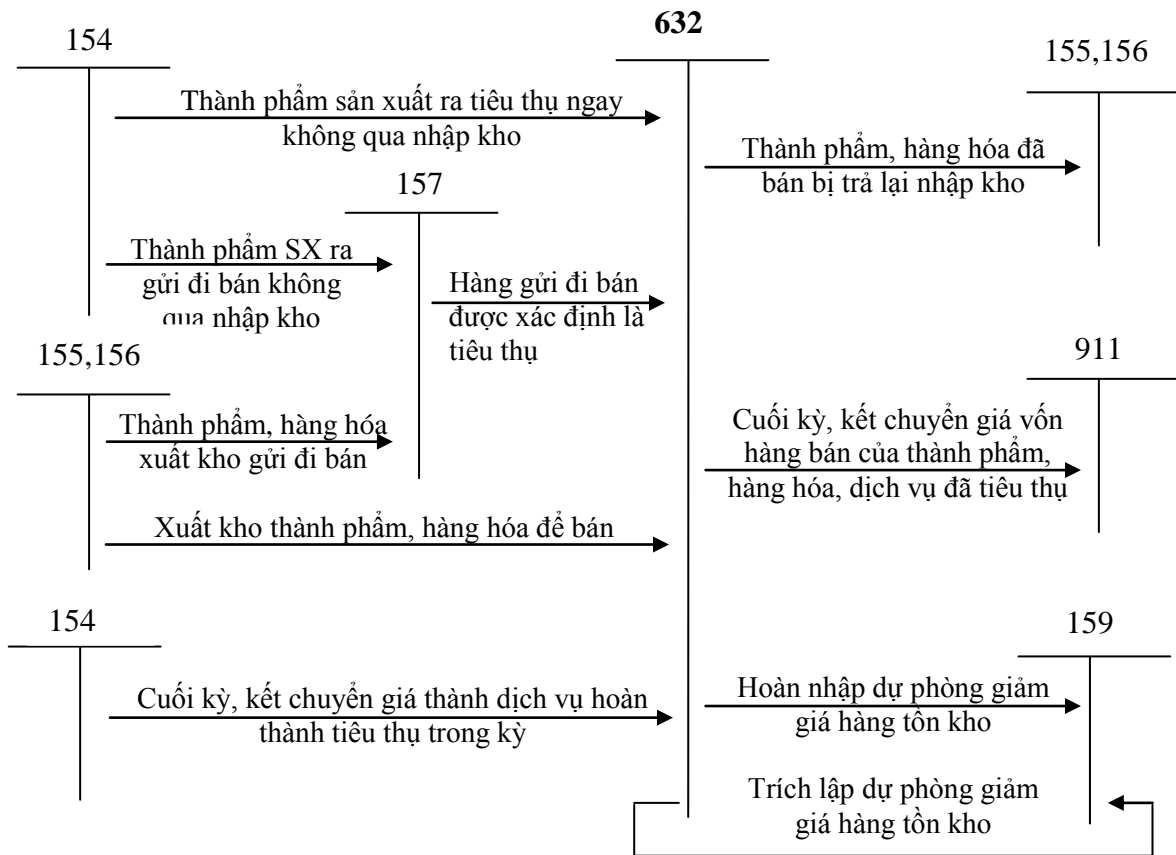
+/ Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được khái quát qua sơ đồ 1.8.

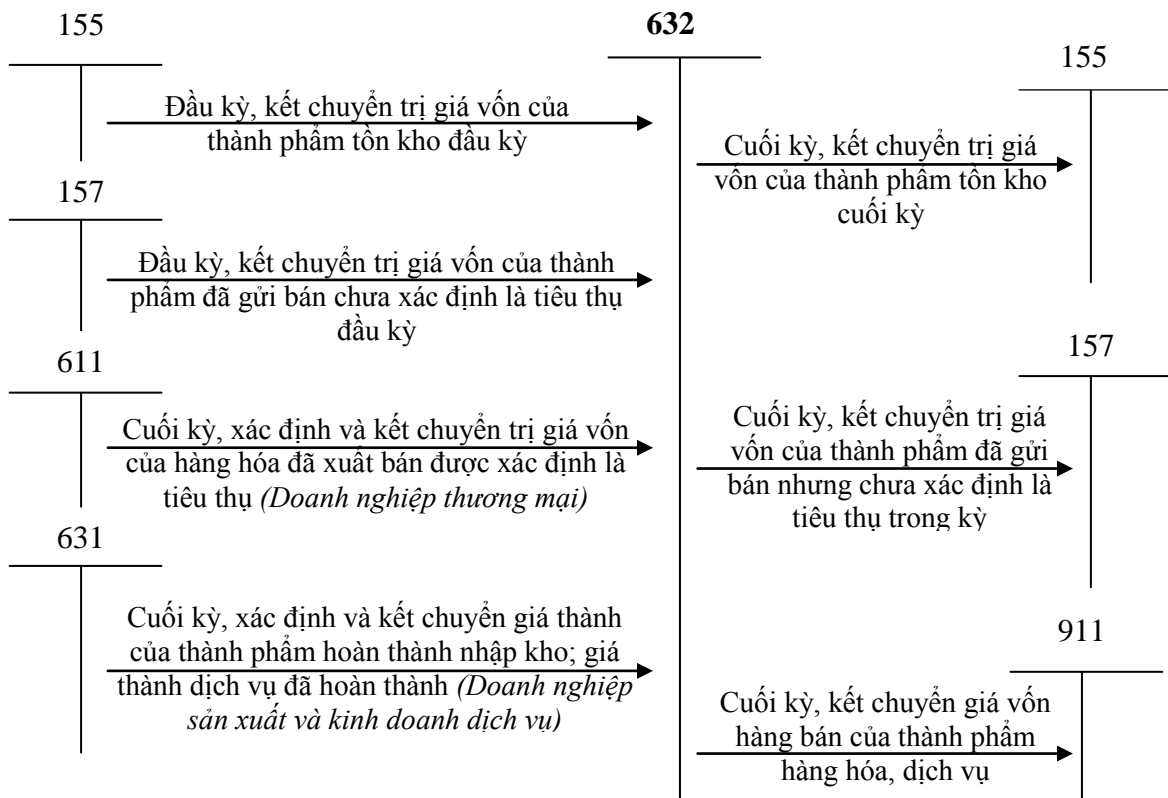
Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua sơ đồ 1.9.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Sơ đồ 1.8: Kế toán giá vốn hàng bán (Phương pháp kê khai thường xuyên)



Sơ đồ 1.9: Kế toán giá vốn hàng bán (Phương pháp kiểm kê định kỳ)



1.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng

+/ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT3/001)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

+/ Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái và sổ chi tiết tài khoản 641 và các tài khoản liên quan...

+/ Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Kết cấu của TK641:

Bên nợ: - Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ.

Bên có: Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK911 để xác định kết quả KD.

Tài khoản 641 không có số dư.

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

1.2.2.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

+/ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKL – 3LL)
- Hoá đơn thông thường (Mẫu số 02 GTGT – 3LL)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng....

+/ Sổ sách kế toán sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái, Sổ chi tiết tài khoản 642

+/ Tài khoản kế toán sử dụng:

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết cấu của TK642:

Bên nợ: Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên có: Kết chuyển chi phí QLDN vào TK911 để xác định kết quả KD.

Tài khoản 642 không có số dư.

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

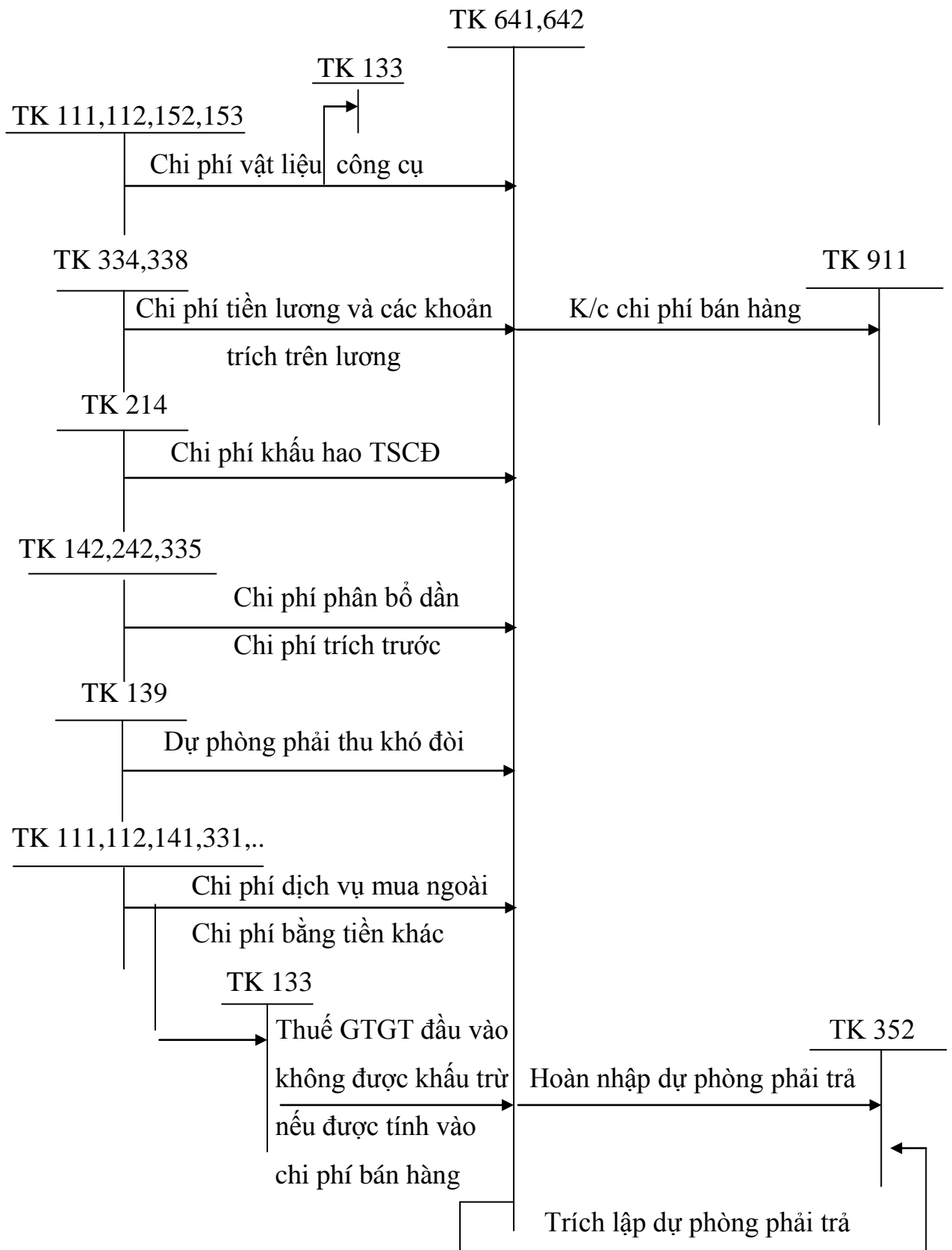
- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

+/ Sơ đồ hạch toán:

Hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được thể hiện qua sơ đồ 1.10 như sau:

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao**

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

**/ Tài khoản sử dụng:*

+/ Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh - TK khoản này sử dụng để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Kết cấu của TK911:

➤ *Bên nợ:*

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết chuyển lãi.

➤ *Bên có:*

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

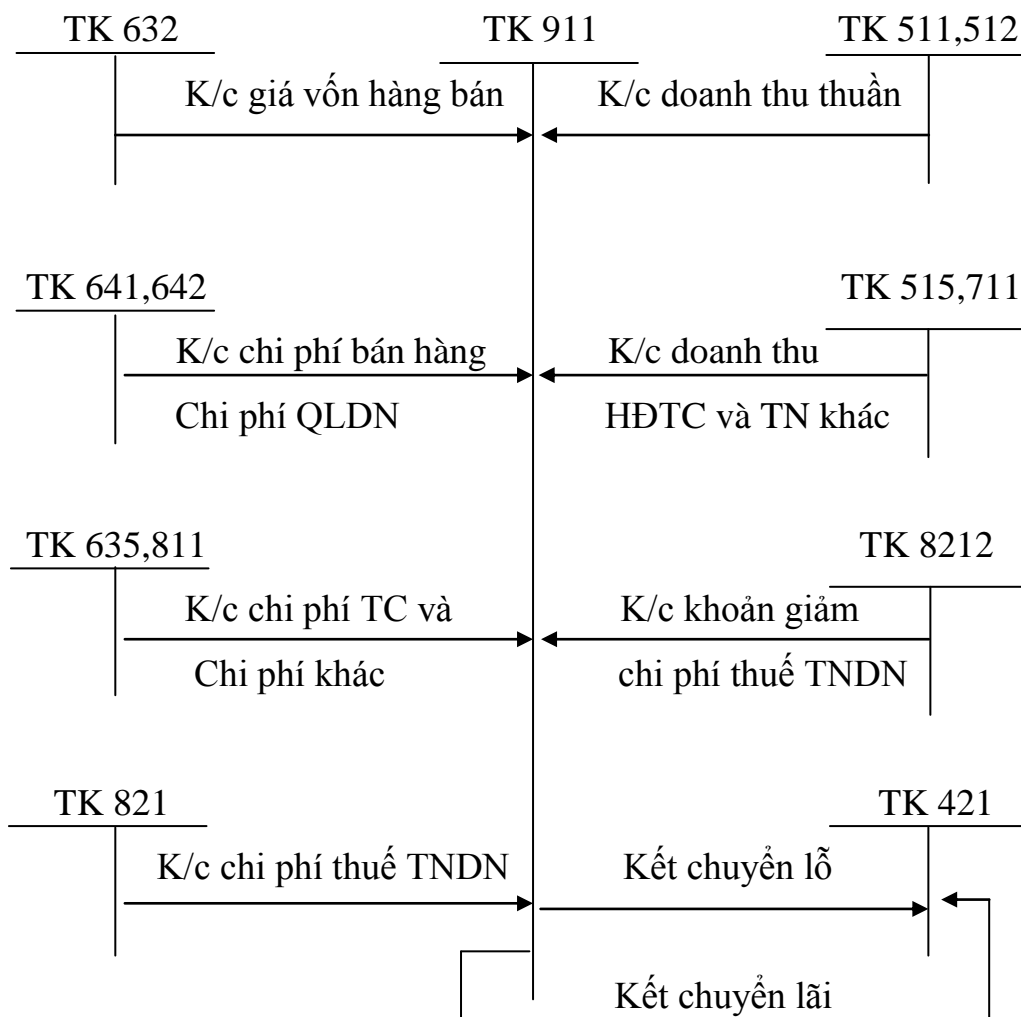
- Doanh thu hoạt động tài chính, các thu nhập khác và các khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư.

+/ Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối - TK này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh cuối cùng và tình hình phương pháp xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh



1.3: Tổ chức sổ kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lí, trình độ nhiệm vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang thiết bị kĩ thuật tính toán để lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân đúng quy định của hình thức kế toán đó. Doanh nghiệp phải tuân thủ một trong năm hình thức sổ kế toán sau:

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật Ký Chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật Ký Chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào Nhật Ký Chung, mà trọng tâm là sổ Nhật Ký Chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật Ký

Chung để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh. Hình thức kế toán Nhật Ký Chung gồm có các loại sổ chủ yếu sau:

- + Sổ Nhật Ký Chung
- + Sổ Nhật Ký đặc biệt
- + Sổ cái
- + Các sổ và thẻ kế toán chi tiết.

1.3.2 Hình thức kế toán Nhật Ký –Sổ Cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật Ký-Sổ Cái: các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán duy nhất là sổ Nhật ký –sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký- sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc là bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại. Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái gồm có các loại sổ kế toán như sau:

- + Sổ Nhật ký –sổ cái.
- + Các sổ thẻ kế toán chi tiết.

1.3.3 Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong một quy trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lí kinh tế tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật Ký chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- + Sổ nhật ký chứng từ
- + Bảng kê

- + Sổ cái
- + Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

1.3.4. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

Ghi theo trình tự thời gian ghi trên sổ đăng kí chứng từ ghi sổ.

Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng kí chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

- + Chứng từ ghi sổ.
- + Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ.
- + Sổ cái.
- + Các sổ và thẻ kế toán chi tiết.

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.3.5.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

1.3.5.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hằng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

Theo quy trình của kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (sổ cái, nhật kí-sổ cái...) và các sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Thực hiện các thao tác để in Báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng quyển và thực hiện các thủ tục pháp lí theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Chương 2

Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Hai Sao

Công ty cổ phần Hai Sao được thành lập ngày 25/03/2005 theo giấy phép kinh doanh số 0203001352 của sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Quá trình xây dựng và phát triển của công ty đã đạt được kết quả nhất định và góp phần không nhỏ vào sự phát triển chung của toàn thành phố.

Tên giao dịch : Công ty cổ phần Hai Sao

Tên viết tắt : HAI SAO TRADICO

Tên tiếng anh : HAI SAO TRADING JOINT STOCK COMPANY

Người đại diện : Vũ Anh Tuấn

Mã số thuế : 0200615360

Số điện thoại : 031.3920424

Fax : 031.3921076

Website : [http:// Haisaotradico.vn](http://Haisaotradico.vn)

Địa chỉ : Số 28, Đường Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Công ty cổ phần Hai Sao là công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh. Trải qua hơn 7 năm hình thành và lớn mạnh, công ty cũng đã và đang đạt được bước chuyển mình mang tính đột phá cả về mặt chất lượng cũng như quy mô. Công ty không ngừng mở rộng các lĩnh vực kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường cũng như tiềm năng sẵn có của mình.

2.1.1. Mục tiêu và đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần Hai Sao.

2.1.1.1. Mục tiêu:

Hoạt động kinh doanh trong vòng xoáy cạnh tranh của thị trường, đi kèm với những cơ hội là những thách thức của một sân chơi lớn mở ra cho các doanh

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

nghiệp. Công ty cổ phần Hai Sao đã và đang xây dựng cho mình một chỗ đứng bền vững trong xu thế ấy. Đến với bất kỳ nơi kinh doanh nào trực thuộc công ty cổ phần Hai Sao, quý khách dễ nhận thấy ở bất kỳ vị trí nào, người lao động luôn làm việc với tinh thần sẵn sàng phục vụ khách hàng như phục vụ chính mình, đón tiếp khách hàng như đón tiếp người thân - đây được xem là mục tiêu hàng đầu quyết định sự phát triển của công ty.

Công ty cổ phần Hai Sao :

- Nơi mua sắm đáng tin cậy
- Bạn của mọi nhà
- Hàng hóa phong phú và chất lượng
- Giá cả chính hãng
- Phục vụ ân cần

2.1.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

Công ty cổ phần Hai Sao hoạt động trong lĩnh vực thương mại, cung cấp các sản phẩm dịch vụ , do đó công ty không có khâu tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh để tính giá thành sản phẩm.

Công ty vừa duy trì hình thức bán lẻ vừa là đại lý chính thức cho các hãng và phân phối cho các công ty và cửa hàng khác. Đồng thời có nhân viên kỹ thuật thực hiện cả việc lắp đặt tận nơi.

Là một cơ sở có uy tín và tương đối lớn ở khu vực, công ty được nhiều hãng cấp giấy chứng nhận là đại lý ủy quyền cấp 1 và được hưởng nhiều ưu đãi trong việc nhập hàng, được các hãng cấp những phụ kiện để trưng bày sản phẩm như tủ, kệ, giá đỡ.

Công ty có 2 xe ô tô chuyên dùng để vận chuyển hàng hóa tới nơi giao hàng có lái xe và nhân viên kỹ thuật từng bộ phận riêng.

Công ty Hai Sao luôn ưu tiên chọn những sản phẩm của nhà sản xuất có chứng chỉ ISO-9000 hoặc một hệ thống quản lý chất lượng tương đương, tối thiểu là nhà sản xuất có hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn.

2.1.1.3. Chức năng, ngành nghề kinh doanh

Theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0203001352 do sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp ngày 25/03/2005, Công ty cổ phần Hai Sao được tiến hành các hoạt động sau:

- Kinh doanh điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, điện công nghiệp.
- Kinh doanh máy tính và thiết bị máy tính, thiết bị văn phòng
- Kinh doanh điện thoại, thiết bị viễn thông
- Kinh doanh xe máy, thiết bị và phụ tùng xe máy
- Kinh doanh trang trí nội thất
- Dịch vụ xuất nhập khẩu
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng hóa thủy bộ

Công ty luôn coi trọng chất lượng sản phẩm, dịch vụ là nền tảng cho sự lớn mạnh của công ty, để làm được điều đó ban lãnh đạo công ty đã không ngừng đầu tư các phương tiện hiện đại để có thể đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo chất lượng trong mọi hoàn cảnh. Chính nhờ có được chiến lược phát triển rõ ràng, mà hiện nay công ty đã xây dựng cho mình một thương hiệu có uy tín không chỉ tròng địa bàn thành phố mà còn rộng khắp trong cả nước.

2.1.2 Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động

Trải qua hơn 7 năm xây dựng và phát triển, công ty đã đạt được những kết quả nhất định trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Suốt thời gian đó, bên cạnh những thuận lợi công ty cũng gặp không ít những khó khăn.

2.1.2.1. Thuận lợi :

- Công ty đã xây dựng tốt bộ máy quản lý và tuyển dụng đào tạo, đội ngũ lao động có trình độ, chuyên môn, tay nghề. Ban lãnh đạo công ty giàu kinh nghiệm, biết khai thác và phát huy năng lực của cán bộ công nhân viên.

- Bên cạnh đó, công ty hình thành trên địa bàn có điều kiện giao thông thuận lợi, góp phần không nhỏ trong quá trình phân phối và tiêu thụ sản phẩm của công ty.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

- Doanh nghiệp đã khai thác, tận dụng lợi thế của mình để tăng nguồn vốn của mình. Doanh nghiệp luôn gương mẫu và ưu tiên hàng đầu cho Ngân sách Nhà nước và thu nhập của cán bộ, công nhân viên.

- Theo đà phát triển, chất lượng cuộc sống càng nâng cao, nhu cầu về các mặt hàng điện tử, điện lạnh cũng tăng mạnh.

- Công ty đã tạo dựng được uy tín và mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp và các bạn hàng nhằm giữ vững và củng cố vị trí của mình trên thương trường.

2.1.2.2. Khó khăn :

Bên cạnh những thuận lợi trên, công ty cũng gặp không ít những khó khăn :

- Là một công ty mới thành lập, lại trên địa bàn có rất nhiều doanh nghiệp cùng kinh doanh trong lĩnh vực này, do đó đối thủ cạnh tranh tương đối lớn đòi hỏi doanh nghiệp cần làm tốt công tác thị trường và dịch vụ chăm sóc khách hàng để thu hút khách hàng.

- Mặt khác, hàng hóa của công ty lại nhập khẩu từ nước ngoài. Chính vì vậy chi phí tương đối cao. Đây là một trở ngại không nhỏ trong quá trình cạnh tranh với các đối thủ.

- Khó khăn từ việc tìm đối tác kinh doanh, quay vòng vốn đến nắm bắt thị trường và xu thế của nền kinh tế

- Đặc biệt từ thời điểm nền kinh tế rơi vào tình trạng khủng hoảng, các doanh nghiệp đều chủ trương giảm thiểu chi phí, cắt giảm nhân sự làm kết quả sản xuất kinh của doanh nghiệp cũng bị xáo trộn đôi chút.

- Việc mở rộng qui mô kinh doanh cũng gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc huy động và quay vòng vốn.

Trong giai đoạn hiện nay, ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên công ty luôn cố gắng nỗ lực khắc phục khó khăn, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.1.3 Những thành tích cơ bản mà công ty đạt được trong những năm qua

Hầu hết các sản phẩm dịch vụ của công ty thực hiện trong năm 2011 đạt mức tăng trưởng khá cao so với thực hiện năm 2010.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Để đạt được mức tăng trưởng và sản lượng như trên là do hội đồng quản trị, ban lãnh đạo công ty đã bám sát tình hình chỉ đạo kịp thời, và có sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị trong công ty, kinh doanh tiếp tục được mở rộng và hoàn thiện, dịch vụ vận chuyển được chú ý và duy trì bổ sung phương tiện vận tải cho các khu vực.

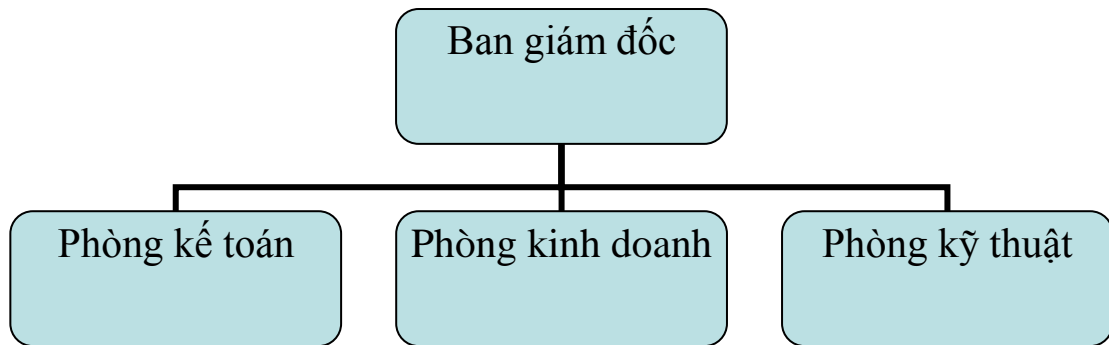
Những kết quả mà công ty đạt được trong những năm gần đây rất đáng khích lệ, sử dụng vốn vay, chủ động tiếp cận nguồn vốn vay thương mại để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị, không ngừng mở rộng và phát triển sản xuất, công ty phát triển với tốc độ cao về quy mô, chất lượng và hiệu quả kinh doanh.

Doanh thu tăng, lợi nhuận sau thuế của năm sau bao giờ cũng tăng so với năm trước.

Công ty đã giành thắng lợi về nhiều mặt, được các tổ chức chứng nhận và được trao tặng nhiều giải thưởng cao quý khác, thương hiệu của công ty càng được củng cố thu hút được nhiều khách hàng, được các tổ chức trong và ngoài nước biết đến. Người lao động được đảm bảo có việc làm, có thu nhập cao, công ty cũng đã thực hiện tốt các chính sách xã hội.

2.1.4 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Tổ chức bộ máy quản lý của công ty có vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp tạo nên sự thống nhất nhịp nhàng giữa các bộ phận, đơn vị trong doanh nghiệp. Đảm bảo cho việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Căn cứ vào quy trình tình hình thực tế của công ty cổ phần Hai Sao, tổ chức bộ máy kinh doanh gồm có : ban giám đốc, phòng kế toán, phòng kinh doanh, phòng kỹ thuật. Trong đó các phòng ban được phân chia phù hợp với các chức năng, nhiệm vụ cũng như đặc điểm kinh doanh của công ty.



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ Phần Hai Sao

Ban giám đốc của công ty gồm hai thành viên : giám đốc có nhiệm vụ điều hành mọi hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình.

Phòng kinh doanh : có trách nhiệm theo dõi mọi hoạt động kinh doanh của công ty, tiến hành lập kế hoạch và tổ chức bán buôn trực tiếp hàng hóa dịch vụ, đồng thời tư vấn cho giám đốc về phương hướng tổ chức kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ.

Phòng kế toán : có trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin kế toán, hướng dẫn chỉ đạo các bộ phận thực hiện chế độ ghi chép ban đầu theo đúng quy định. Tổng hợp số liệu lập báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về tính chính xác của báo cáo tài chính.

Phòng kỹ thuật : đảm nhận vai trò và chịu trách nhiệm về kỹ thuật của các sản phẩm hàng hóa. Nghiên cứu từng bước hoàn thiện, nâng cao chất lượng sản phẩm. Sửa chữa và bảo hành sản phẩm sau khi bán cho khách hàng.

2.1.5 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty.

2.1.5.1. Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty

Cơ cấu bộ máy kế toán bao gồm việc xây dựng các quy trình hạch toán, phân công quy định mối liên hệ giải quyết công việc giữa các nhân viên kế toán cũng như với các bộ phận khác trong doanh nghiệp. Tổ chức công tác, bộ máy kế toán gọn nhẹ để thực hiện tốt công tác hạch toán, quản lý tốt tài sản, cung cấp đầy đủ kịp thời thông tin cho quản lý với chi phí thấp nhất luôn là mong muốn của các nhà quản lí.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Công ty cổ phần Hai Sao tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, theo mô hình này doanh nghiệp chỉ có một phòng kế toán duy nhất, mọi công việc kế toán đều được thực hiện tại đây.

Chức năng nhiệm vụ của kế toán : Phòng kế toán công ty bao gồm

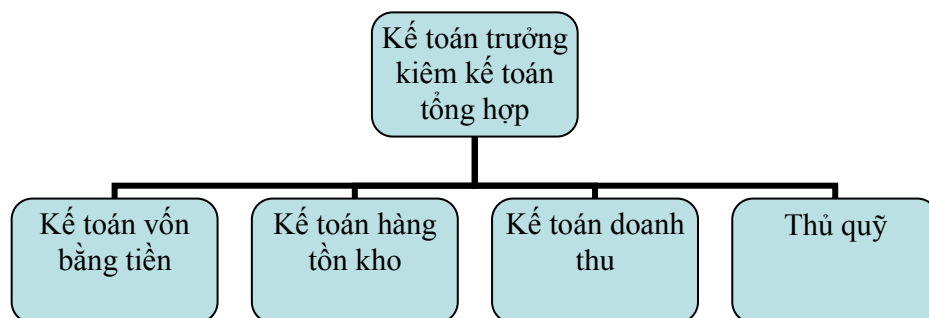
- Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp: Tổ chức điều hành công việc chung của phòng kế toán, có trách nhiệm chỉ đạo công việc cho các nhân viên trong phòng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những sai phạm trong công tác quản lý tài chính của công ty. Kế toán trưởng là người lập báo cáo tài chính và trực tiếp báo cáo các thông tin kinh tế với nhà nước, giám đốc và cơ quan chức năng khi họ yêu cầu.

- Kế toán doanh thu: là kế toán theo dõi tình hình bán hàng, tổng hợp doanh thu, theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho.

- Kế toán vốn bằng tiền: quản lý chặt chẽ vốn bằng tiền, theo dõi thanh toán thu chi, các thủ tục thanh toán trong công ty.

- Kế toán hàng tồn kho: theo dõi và tập hợp hàng hóa phát sinh trong quá trình bán hàng và mua hàng

- Thủ quỹ: theo dõi quỹ tiền mặt của công ty. Căn cứ vào các chứng từ thu chi, thực hiện toàn bộ các nghiệp vụ thu chi liên quan đến tiền mặt. Kết hợp chặt chẽ với kế toán thanh toán trong việc quản lý số dư tiền mặt tồn quỹ. Báo cáo kịp thời tình hình tồn quỹ cho ban lãnh đạo khi có yêu cầu.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

2.1.5.2. Tổ chức công tác kế toán, hình thức ghi sổ và các phương pháp kế toán

+/ *Chế độ kế toán:*

- Bộ máy kế toán tại công ty cổ phần Hai Sao được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi về phòng Tài chính - kế toán để kiểm tra xử lý và ghi sổ kế toán.

- Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của bộ trưởng Bộ Tài chính.

+/ *Các phương pháp kế toán:*

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ .

- Phương pháp hạch toán thuế: công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính theo quyết định 206/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12/12/2003.

+/ *Hình thức ghi sổ kế toán:*

Để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi, công ty đã áp dụng hình thức kế toán “ Nhật Ký Chung”. Theo hình thức này, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

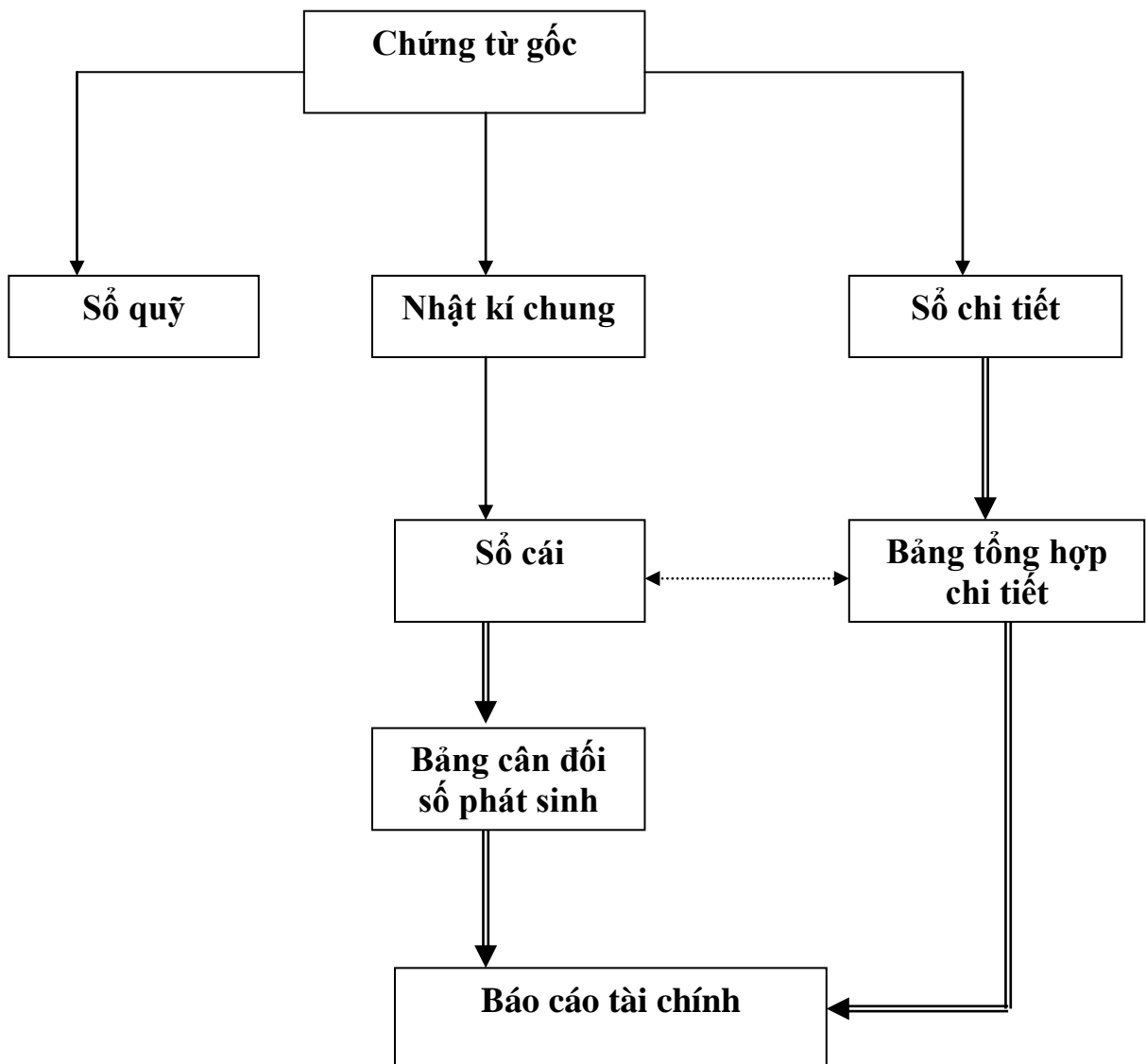
Cuối tháng, quý, năm cộng số liệu trên sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ Cái và bảng tổng hợp

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo Tài chính. Hình thức kế toán Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ Cái
- Các Sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kì (cuối tháng, cuối quý)
- ←-----> Đối chiếu , kiểm tra

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp và tính chính xác của các nghiệp vụ đó vào Nhật ký chung. Căn cứ số liệu ghi trên nhật ký chung, kế toán phản ánh các số liệu đó vào sổ cái tài khoản có liên quan.

- Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết tài khoản
- Cuối tháng tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết làm căn cứ lập sổ tổng hợp chi tiết
- Cùng với đó, tại thời điểm cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối tài khoản.
- Để đảm bảo tính chính xác của số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, khớp số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết.
- Cuối kỳ, kế toán cân đối tài khoản làm căn cứ để lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán theo hình thức Nhật ký chung đó là: tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Công ty cổ phần Hai Sao là một công ty cung cấp các sản phẩm dịch vụ nên công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được các nhà quản lý đặc biệt quan tâm. Không chỉ là mục tiêu lợi nhuận mà quan trọng là chất lượng và khả năng cung cấp dịch vụ, đáp ứng nhu cầu kinh tế của doanh nghiệp. Hơn nữa, quá trình này phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, là cơ sở để xác định nguồn tài chính cho những chiến lược mang tính tài chính của công ty.

2.2.1 Hạch toán doanh thu bán hàng

2.2.1.1. Các phương thức tiêu thụ hàng hoá của công ty

Với đặc điểm ngành nghề kinh doanh của công ty có 2 phương thức tiêu thụ hàng hoá như sau:

*** Bán buôn**

Thông qua việc ký kết các hợp đồng kinh tế và các đơn đặt hàng công ty lập kế hoạch bán hàng hoá tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tiêu thụ và kết quả kinh doanh của đơn vị mình.

Phương thức bán buôn chủ yếu mà công ty đang áp dụng bao gồm:

- + Bán buôn trực tiếp qua kho của công ty
- + Bán buôn không qua kho (vận chuyển thẳng) có tham gia thanh toán

*** Bán buôn trực tiếp qua kho của công ty**

Kho của công ty đặt tại trụ sở của công ty. Đây là kho để dự trữ toàn bộ nguồn hàng của công ty. Khi phát sinh nghiệp vụ này, kế toán bán hàng của công ty viết hoá đơn GTGT gồm 3 liên và xuất hàng tại kho, thủ kho lập phiếu xuất kho xuất hàng tại kho, và ngày giao hàng theo như đơn đặt hàng đã ký. Khi giao xong, cuối ngày thủ kho nộp bản kê xuất hàng hàng ngày lên cho phòng kế toán.

*** Bán buôn không qua kho của công ty.**

- Để tiết kiệm chi phí bốc dỡ và thuê kho bến bãi, công ty vận dụng điều thẳng hàng hoá đi đến nơi bán buôn, căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký của các

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

đại lý và đơn đặt hàng, kế toán bán hàng của công ty lập hoá đơn GTGT gồm 3 liên và giao hàng trực tiếp không qua kho.

* **Bán lẻ:** Việc bán lẻ của công ty chủ yếu là bán thu bằng tiền mặt và thường thì hàng hoá xuất giao cho khách hàng và thu tiền cùng một thời điểm. Vì vậy thời điểm tiêu thụ đối với khâu bán lẻ thường được tiến hành theo các phương thức sau:

- Phương thức bán hàng thu tiền tập trung: Phương thức này tách rời nhân viên bán hàng và nhiệm vụ tu tiền. Nhân viên thu ngân có nhiệm vụ viết hoá đơn thu tiền và giao hàng cho khách hàng để khách hàng đến giao nhận hàng ở quầy do nhân viên bán hàng giao.

Cuối mỗi ca hoặc mỗi ngày, nhân viên thu ngân tổng hợp tiền, kiểm tra tiền và xác định doanh số bán. Nhân viên bán hàng căn cứ vào số lượng hàng đã giao theo hoá đơn để lập báo cáo bán hàng, đối chiếu với số hàng hoá còn để xác định số hàng thừa thiếu.

- Bán hàng thu tiền trực tiếp: Nhân viên bán hàng trực tiếp thu tiền và giao hàng cho khách hàng. Cuối mỗi ca nhân viên bán hàng kiểm tiền và làm giấy nộp tiền, kiểm kê hàng hoá hiện còn ở quầy và xác định lượng hàng hoá bán ra trong ca(ngày). Sau đó lập báo cáo bán hàng để xác định doanh số bán, đối chiếu với số lượng đã nộp theo giấy nộp tiền.

2.2.1.2. Phương thức thanh toán

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các đại lý và có thể sử dụng được nguồn vốn linh hoạt hơn, công ty đã chủ động tạo ra các phương thức thanh toán rất mềm dẻo. Công ty có thể giảm giá hoặc chiết khấu cho các đại lý vào từng lô hàng hoặc sau từng lần thanh toán cụ thể là:

- + Công ty thực hiện giảm giá đối với khách hàng mua với số lượng lớn.
- + Trong từng chu kỳ kinh doanh, sau khi xem xét toàn bộ doanh số của các đại lý mua trong kỳ, đại lý nào có doanh số cao nhất thì công ty có thể giảm giá trên tổng doanh số bán cả năm cho khách hàng đó.

2.2.1.3. Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan.

** Quy trình ghi sổ kế toán:*

Trước tiên, căn cứ vào biên bản kí kết hợp đồng kế toán viết phiếu xuất kho hàng hóa, phiếu xuất kho sau khi viết xong được chuyển cho thủ kho để xuất kho hàng hóa cho khách hàng. Khi xuất kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại hàng hóa có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không. Từ đó kế toán tiêu thụ sẽ lập hóa đơn GTGT về bán hàng hóa.

Căn cứ theo yêu cầu của khách hàng gửi công ty phó giám đốc phụ trách bán hàng xem xét, nghiên cứu phía đối tác và thay mặt công ty ký kết hợp đồng bán hàng. Đồng thời, hóa đơn bán hàng (hóa đơn GTGT) được lập thành 3 liên:

- Liên 1: lưu tại sổ gốc
- Liên 2: giao cho khách hàng
- Liên 3 : làm căn cứ xuất hàng và giao cho kế toán nghiệp vụ bán hàng

2.2.1.4. Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng vào hạch toán nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá

Để hạch toán nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá và xác định kết quả kinh doanh. Công ty đã thực hiện theo đúng chế độ kế toán. Các tài khoản được sử dụng trong hạch toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh trong công ty:

TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK515 : Doanh thu hoạt động tài chính

TK521 : Chiết khấu thương mại

TK 531 : Giảm giá hàng bán

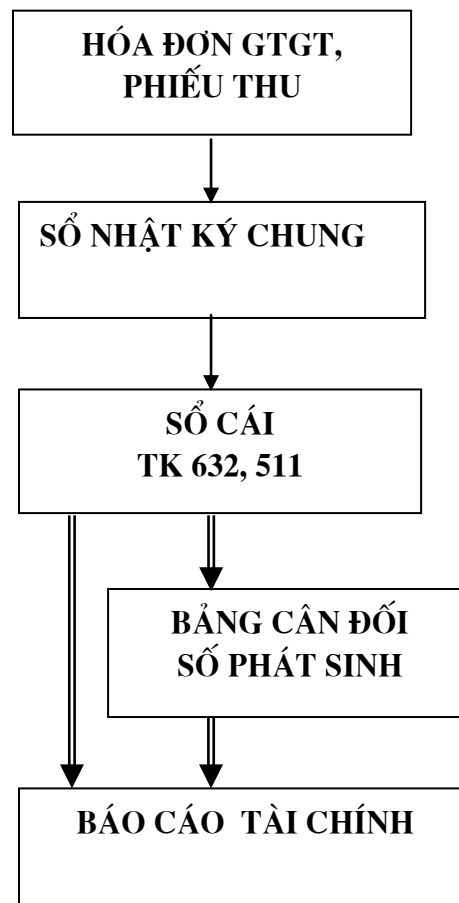
TK 532 : Hàng bán bị trả lại

2.2.1.5. Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng.

- Kế toán phải theo dõi, phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời các nội dung liên quan đến kế toán tiêu thụ sản phẩm và lập báo cáo liên quan đến quá trình tiêu thụ.
- Doanh thu và chi phí đến cùng một giao dịch phải ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và phải theo năm báo cáo tài chính.
- Doanh thu theo dõi riêng từng loại doanh thu: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ.....
- Cuối kỳ, kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty.

2.2.1.6. Trình tự ghi sổ kế toán :

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng



Ghi chú:

————> : Ghi hằng ngày

====> : Ghi cuối tháng, định kỳ

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

Hằng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái các TK 632, 511, 3331,

Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối TK và lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 1:

Ngày 02/12/2011 bán cho cửa hàng điện tử Đoàn Lan 4 chiếc ti vi SONY KDL-40CX520 đơn giá 6.251.317 đ đã thu bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0059886 (*Biểu số 2.1*), cửa hàng điện tử Đoàn Lan chuyển tiền qua ngân hàng, Công ty nhận được GBC1026 ngày 02/12 của Ngân hàng Vietin Bank (*Biểu 2.2*) thông báo về số tiền đã nhận được, kế toán tiến hành nhập sổ Nhật ký chung, từ số liệu trên vào sổ Cái TK 511. Bút toán định khoản như sau:

Nợ TK 112 : 27.505.796

Có TK 511 : 25.005.269

Có TK 3331: 2.500.527

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao**

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/11P		
Ngày 02 tháng 12 năm 2011			Số: 0059886		
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ Phần Hai Sao					
Mã số thuế : 0200615360					
Địa chỉ: Số 28 – Lương Khánh Thiện– Ngô Quyền – Hải Phòng					
Điện thoại: 0313920424					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Cửa hàng điện tử Đoàn Lan					
Mã số thuế : 0200690093.....					
Địa chỉ: Số 72 – Trần Phú- Hải Phòng.....					
Hình thức thanh toán: CK..... Số tài khoản.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Tivi SONY KDL- 40CX520	Chiếc	04	6.251.317	25.005.269
Cộng tiền hàng:					25.005.269
Thuế GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		2.500.527
Tổng cộng tiền thanh toán					27.505.796
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn năm nghìn bảy trăm chín sáu đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.1 : Hóa đơn GTGT số 0059886

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao*

**NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN
VIETIN BANK**

**Mã GDV: 034
Mã KH: 10366
Số: 1026**

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 02/12/2011

Kính gửi: CTY CỔ PHẦN HAI SAO

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có: 102010000202228

Số tiền bằng số : 27.505.796

Số tiền bằng chữ: hai mươi bảy triệu năm trăm linh lăm nghìn bảy trăm chín sáu đồng

Nội dung: Cửa hàng điện tử Đoàn Lan trả tiền mua hàng

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

Biểu số 2.2 : GBC ngày 02/12 NH Công thương VN

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao
Địa chỉ :28 Lương Khánh Thiện- Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu sốS03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
01/12/2011	HD 0059885	01/12/2011	Bán 3 điều hòa TCL 12000BTU chưa thanh toán	131 511 3331	15.986.000	14.532.727 1.453.273
02/12/2011	HD 0059886	02/12/2011	Bán 4 chiếc tivi SONY KDL-40CX520 cho CH ĐT Đoàn Lan, thanh toán bằng TGNH	112 511 3331	27.505.796	25.005.269 2.500.527
					
31/12/2011	PKT 114	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511 911	53.385.065.894	53.385.065.894
			Cộng phát sinh		205.715.692.661	205.715.692.661

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao
Địa chỉ : 28 Lương Khánh Thiện- Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 511 – Doanh thu bán hàng
Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT Dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>				-	-
			<u>Số phát sinh trong kỳ</u>					
							
01/12/2011	HD 0059884	01/12/2011	Bán 2 tủ lạnh TOSHIBA R16VT đã thanh toán = TM			111		12.563.600
01/12/2011	HD 0059885	01/12/2011	Bán 3 điều hòa TCL 12000BTU chưa thanh toán			131		14.532.727
02/12/2011	HD 0059886	02/12/2011	Bán 4 ti vi SONY KDL-40CX520 thanh toán bằng TGNH			112		25.005.269
							
31/12/2011	PKT 114	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu bán hàng			911	53.385.065.894	
			Cộng phát sinh				53.385.065.894	53.385.065.894
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				-	-

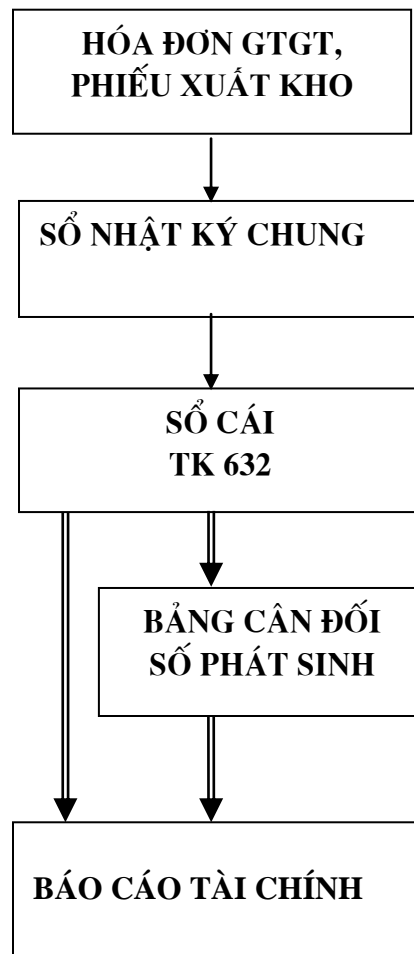
2.2.2 Hạch toán giá vốn hàng bán

Cách tính giá hàng hóa xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\begin{array}{rcc} & \text{Trị giá hàng tồn} & + & \text{Trị giá hàng nhập} \\ & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} \\ \text{Đơn giá} & & & \\ \text{bình quân gia} & = & \frac{\quad}{\quad} & \\ \text{quyền cả kỳ} & & \text{Số lượng hàng tồn} & + & \text{Số lượng hàng nhập} \\ & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

Sau khi ghi nhận doanh thu, cuối tháng kế toán xác định đơn giá của hàng hóa theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ sau đó tính toán giá trị hàng hóa xuất bán trong phiếu xuất kho. Từ phiếu xuất kho kế toán vào sổ Nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ Cái tài khoản giá vốn.

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán:



Ghi chú:

————> : Ghi hằng ngày

====> : Ghi cuối kỳ.

Ví dụ 2 : Tiếp theo của ví dụ 1:

Từ P XK 01564 xuất kho 4 chiếc ti vi SONY DKL-40CX520, kế toán theo dõi số lượng thực xuất. Cuối quý xác định đơn giá của hàng hóa bán ra, sau đó vào sổ Nhật ký chung. Đồng thời căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ Cái tài khoản giá vốn hàng bán.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao
Địa chỉ : 28 Lương Khánh Thiện- Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Phiếu xuất kho

Ngày 02 tháng 12 năm 2011

Số: 01564

Nợ: 632
Có: 156

- Họ tên người nhận hàng: Cửa hàng điện tử Đoàn lan
- Địa chỉ: số 72 - Trần phú - Hải phòng
- Mã số thuế:
- Xuất tại kho: Công ty cổ phần Hai Sao

STT	Số HĐ	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật t (Model)	Đơn vị tính	Số l- ợng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A		B	C	D			
1		Ti vi SONY DKL-40CX520		Chiếc	4	4	
		Cộng				4	

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán tr- ợng
(Ký, họ tên)

Ngày 02 tháng 12 năm 2011
Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trịnh Thị Hương

Biểu 2.3 : Phiếu xuất kho

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao

Địa chỉ : Số 28- Lương Khánh Thiện- Ngô Quyền –Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
01/12/2011	PXK 01563	01/12/2011	Bán 3 điều hòa TCL 12000BTU chưa thanh toán	632 156	12.005.246	12.005.246
02/12/2011	PXK 01564	02/12/2011	Bán 4 ti vi SONY KDL-40CX520	632 156	23.653.376	23.653.376
					
31/12/2011	PKT 115	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632 911	46.759.422.110	46.759.422.110
			Cộng phát sinh		205.715.692.661	205.715.692.661

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao

Địa chỉ : Số 28- Lương Khánh Thiện- Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHT K đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT Dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>				-	-
			Số phát sinh trong kỳ					
							
02/12/2011	PXK 01564	02/12/2011	Bán 4 ti vi SONY KDL- 40CX520			156	23.653.376	
							
31/12/2011	PKT 115	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911		46.759.422.110
			Cộng phát sinh				46.759.422.110	46.759.422.110
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				-	-

Giám đốc

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Người ghi sổ

(Đã ký)

2.2.3 Hạch toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, cung cấp hàng hóa dịch vụ bao gồm : chi phí chào bán, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển ...

TK sử dụng : để hạch toán chi phí bán hàng công ty sử dụng TK 641

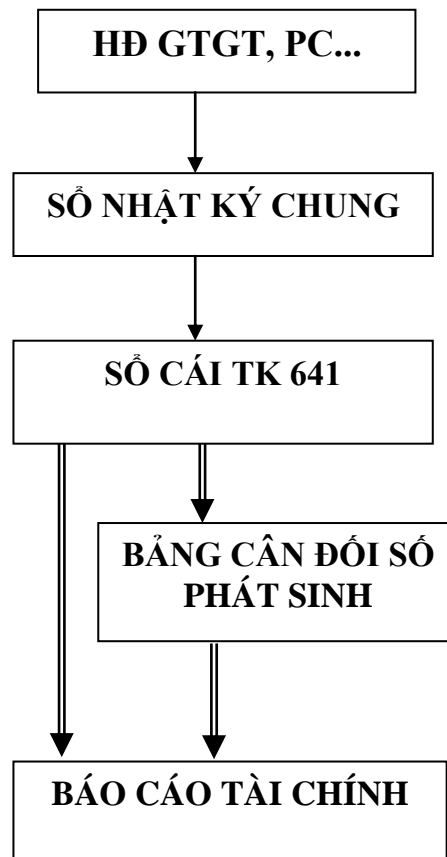
*** Chứng từ sử dụng.**

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng thông thường
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Quy trình hạch toán chi phí bán hàng tại Công ty Cổ Phần Hai Sao**

Quy trình hạch toán chi phí bán hàng tại Công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.6 như sau :

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng



Ghi chú:

—————> : Ghi hằng ngày

=====> : Ghi cuối kỳ

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT, Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, ...kế toán tiến hành viết phiếu chi (hoặc giấy báo nợ của Ngân hàng), tùy vào nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán cũng có thể viết phiếu kế toán. Từ các dữ liệu trên kế toán vào sổ Nhật ký chung, kế toán vào sổ Cái TK 641.

Ví dụ 3 :

Ngày 10/12/2011 phát sinh nghiệp vụ thanh toán chi phí quảng cáo sản phẩm mới số tiền 7.700.000 tại công ty TNHH Minh Trang , thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0065134 kế toán tiến hành lập Phiếu chi số 325. Từ phiếu chi và HĐGTGT kế toán vào sổ Nhật ký chung, đồng thời vào sổ chi tiết TK 641. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ Cái tài khoản chi phí bán hàng..

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao**

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 2: Giao cho khách hàng			Mẫu số: 01 GTKT3/001		
Ngày 10 tháng 12 năm 2011			Ký hiệu: KB/11P		
			Số : 0065134		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Minh Trang					
MST: 0200493899					
Địa chỉ: 21/71 Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Điện thoại: 0313.522.107					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Phạm Văn Phẩm					
Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Hai Sao					
MST: 0200615360					
Địa chỉ: Số 28 – Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – HP					
Hình thức thanh toán: TM.....Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Chi phí quảng cáo	đồng			7.000.000
Cộng tiền hàng					7.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		700.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					7.700.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Biểu số 2.4 : Hóa đơn GTGT 0065134

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

Đơn vị: **CÔNG TY CP HAI SAO**

Số phiếu: 325

Địa chỉ: **Số 28-LươngKhánhThiện-Ngô Quyền –HP**

Tài khoản: 1111

Tài khoản đư: 641, 133

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Họ tên người nhận tiền : Nguyễn Thị Mai

Địa chỉ : Phòng kế toán

Lý do chi : Thanh toán tiền quảng cáo

Số tiền : 7.700.000

Bằng chữ : Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn

Kem theo : 1 chứng từ gốc

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Kế toán thanh toán

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Thủ quỹ

Người nhận tiền

Biểu số 2.5 : Phiếu chi số 325

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao
Địa chỉ : Số 28 – Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – HP

Mẫu số S03a-DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
10/12/2011	HD 0065134	10/12/2011	Tiền quảng cáo thanh toán bằng tiền mặt	641 133 111	7.000.000 700.000	7.700.000
					
31/12/2011	PKT 116	31/12/2011	Kết chuyển chi phí bán hàng	911 641	2.350.255.000	2.350.255.000
			Cộng phát sinh		205.715.692.661	205.715.692.661

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao
Địa chỉ : Số 27- Lương Khánh Thiện- Ngô Quyền- HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 641 - Chi phí bán hàng

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHT K đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT Dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>				-	-
			Số phát sinh trong kỳ					
							
09/12/2011	HD 0047896	09/12/2011	Mua xăng dầu cho xe chở hàng			111	12.450.300	
10/12/2011	HD 0065134	10/12/2011	Tiền quảng cáo thanh toán bằng tiền mặt			111	7.000.000	
							
31/12/2011	PKT 115	31/12/2011	Kết chuyển CP bán hàng			911		2.350.255.000
			Cộng phát sinh				2.350.255.000	2.350.255.000
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				-	-

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

1.2.4. Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là tài khoản phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công , các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài khác (điện nước, điện thoại, fax, cháy nổ...), chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp công ty sử dụng TK 642.

Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán căn cứ vào bảng phân bổ tiền lương, bảng trích khấu hao TSCĐ, phiếu chi về dịch vụ mua ngoài (điện, điện thoại, nước...), các chi phí khác bằng tiền ... để làm căn cứ vào Nhật ký chung và sổ cái TK 642.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng tính khấu hao TSCĐ

*** Quy trình ghi sổ tương tự như chi phí bán hàng.**

Ví dụ minh họa :

Ngày 21/12/2011 phát sinh nghiệp vụ mua văn phòng phẩm trị giá thanh toán là 3.850.000 tại công ty TNHH Thương Mại Hoàng Long thanh toán bằng tiền mặt.

Nợ TK 642 : 3.500.000

Nợ TK 133 : 350.000

Có TK 111 : 3.850.000

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0012584 kế toán tiến hành lập Phiếu chi số 1142. Từ phiếu chi và HĐGTGT kế toán vào sổ Nhật ký chung, đồng thời vào sổ chi tiết TK 642. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ Cái tài khoản chi phí QLDN.

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao**

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 2: Giao cho khách hàng		Ký hiệu: AA/11P			
Ngày 21 tháng 12 năm 2011		Số: 0012584			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG LONG					
Mã số thuế : 0200580012					
Địa chỉ : 5C13 Tập thể Thủy Tinh – Đà Nẵng- Ngô Quyền - Hải Phòng					
Số tài khoản: 036668889993 – NH Sacombank- PGD Lạc Viên					
Điện thoại: 031.3565106					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN HAI SAO					
Mã số thuế : 0200615360					
Địa chỉ: Số 28 – Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng.....					
Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
01	Giấy A4 ngoại	Hộp	5	500.000	2.500.000
02	Giấy A4 nội	Hộp	4	250.000	1.000.000
Cộng tiền hàng:					3.500.000
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT:		350.000	
Tổng tiền thanh toán					3.850.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
Nguyễn Thị Thu		Nguyễn Công Mạnh			

Biểu số 2.6 : Hóa đơn GTGT số 0012584

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao*

CÔNG TY CỔ PHẦN HAI SAO
Số 28 – Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền - HP

Số phiếu : 368
Tài khoản: 1111
Tài khoản đư: 642

PHIẾU CHI

Ngày: 21/12/2011

Người nhận tiền: Bùi Thị Thanh
Địa chỉ: Phòng Kế toán
Về khoản: Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm
Số tiền: 3.850.000
Bằng chữ: Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng
Kèm theo: 1 chứng từ gốc
Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Kế toán thanh toán

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): : Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng

Ngày 21 tháng 12 năm 2011

Thủ quỹ

Người nhận tiền

Biểu số 2.7 : Phiếu chi số 368

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao
Địa chỉ : Số 28 – Lương Khánh Thiện- Ngô Quyền -HP

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
21/12/2011	HD 0012584	21/12/2011	Mua văn phòng phẩm thanh toán bằng tiền mặt	642 133 111	3.500.000 3250.000	3.850.000
					
31/12/2011	PKT 115	31/12/2011	Kết chuyển chi phí QLDN	911 642	1.062.088.000	1.062.088.000
			Cộng phát sinh		205.715.692.661	205.715.692.661

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao
Địa chỉ : Số - Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHT K đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT Dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>				-	-
			Số phát sinh trong kỳ					
							
12/12/2011	HĐ 1593564	12/12/2011	Thanh toán tiền điện tháng 11/2011			111	52.546.400	
15/12/2011	PC 066	15/12/2011	Thanh toán tiền lương tháng 11/2011			111	42.126.350	
21/12/2011	HĐ 0012584	21/12/2011	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm			111	3.500.000	
							
31/12/2011	PKT 115	31/12/2011	Kết chuyển CP QLDN			911		1.062.088.000
			Cộng phát sinh				1.062.088.000	1.062.088.000
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				-	-

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

2.2.5 Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là khoản lãi tiền gửi ngân hàng. Sau khi nhận được chứng từ do ngân hàng gửi đến, kế toán phản ánh vào bảng kê chi tiết, sổ nhật ký chung và sổ cái TK 515

Chứng từ sử dụng : Giấy báo có của ngân hàng về số lãi tiền gửi, bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng gửi cho công ty.....

Quy trình hạch toán:

Khi nhận được giấy báo có, bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng gửi cho công ty về khoản tiền lãi, kế toán vào bảng kê chi tiết. Căn cứ vào bảng kê chi tiết, kế toán lập sổ nhật ký chung rồi vào sổ cái tài khoản 515 và sổ cái tài khoản 112 về phần tiền lãi được hưởng.

- **Ví dụ 5:**

Ngày 31/12/2011 phát sinh nghiệp vụ : Ngân hàng trả lãi tiền gửi tháng 12/2011 nhập vào tài khoản TGNH

Căn cứ vào giấy báo có của Ngân hàng số 16196, kế toán vào sổ Nhật ký chung. Đồng thời dựa trên số liệu sổ Nhật ký chung để vào sổ Cái TK 515.

**NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN
VIETINE BANK**

**Mã GDV:536
Mã KH: 10366
Số: 16196**

**GIẤY BÁO CÓ
Ngày 31/12/2011**

Kính gửi: CTY CỔ PHẦN HAI SAO

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có: 10201-000020222-8

Số tiền bằng số : 3.426.582

Số tiền bằng chữ: ba triệu bốn trăm hai sáu nghìn năm trăm tám hai đồng.

Nội dung: Ngân hàng trả lãi tiền gửi tháng 12 năm 2011.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu số 2.8 : Giấy báo Có số 16196

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao

Địa chỉ : Số 28 – Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – HP

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
31/12/2011	GBC 16196	31/12/2011	Nhập lãi tiền gửi tháng 12	112 515	3.426.582	3.426.582
					
			Cộng phát sinh		205.715.692.661	205.715.692.661

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao
Địa chỉ : Số 28 – Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT Dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>				-	-
			Số phát sinh trong kỳ					
							
31/12/2011	GBC 16196	31/12/2011	Nhập lãi tiền gửi tháng 12			112		3.426.582
31/12/2011	GBC 162036	31/12/2011	Nhập lãi tiền gửi tháng 12			112		125.680
							
31/12/2010	PKT 114	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			911	55.236.045	
			Cộng phát sinh				55.236.045	55.236.045
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				-	-

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

2.2.6. Hạch toán chi phí tài chính

Tài khoản này dùng để ghi chép các chi phí phát sinh từ lãi vay ngân hàng, lãi vay CBCNV.....

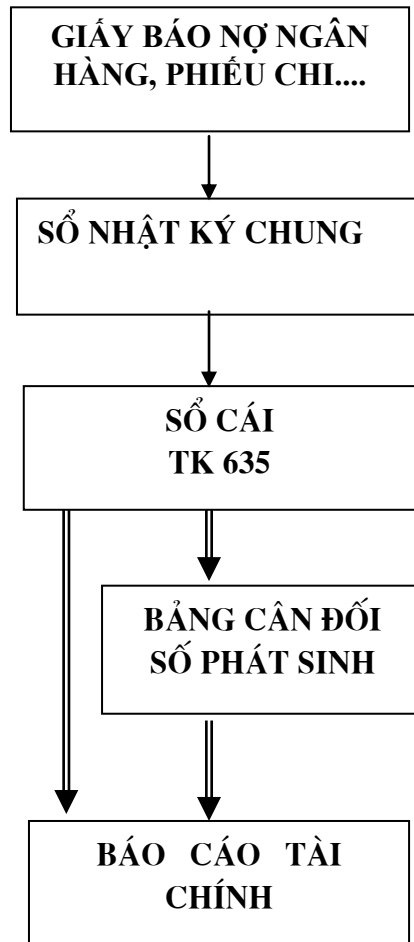
*** Chứng từ sử dụng.**

- Giấy báo có, giấy báo nợ của Ngân hàng
- Sổ phụ của Ngân hàng
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

***Quy trình hạch toán :**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Giấy báo nợ của Ngân hàng, Phiếu chi, Bảng kê tính lãi vay,... kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung đồng thời vào sổ chi tiết tài khoản chi phí hoạt động tài chính. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ Cái TK 635. Cuối quý tiến hành cộng số liệu trên sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sơ đồ 2.7: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí tài chính



Ghi chú:

- > : Ghi hằng ngày
=====> : Ghi cuối kỳ

Ví dụ 6 :

Ngày 25/12/2011 phát sinh nghiệp vụ, trả tiền lãi vay ngân hàng tháng 12, số tiền 16.523.612

Căn cứ vào giấy báo nợ số 1160, Kế toán vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi sổ chi tiết tài khoản chi phí hoạt động tài chính. Sau đó dựa vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ Cái TK 635.

**NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN
VIETINE BANK**

Mã GDV:9463

Mã KH: 10366

Số : 1106

GIẤY BÁO NỢ

Ngày:25/12/2011

Kính gửi : CTY CỔ PHẦN HAI SAO

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi NỢ : 10201-000020222-8

Số tiền bằng số: 16.523.612

Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm hai ba nghìn sáu trăm mười hai đồng

Nội dung: Thu tiền lãi tháng 12 năm 2011.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu số 2.9 : Giấy Báo Nợ số 1160

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao

Địa chỉ : Số 28 – Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
25/12/2011	GBN 1160	25/12/2011	Trả lãi tiền vay ngân hàng tháng 12	635 111	16.523.612	16.523.612
26/12/2011	GBN 110756	26/12/2011	Thanh toán tiền hàng cho công ty Nam Bắc bằng TGNH	331 112	65.380.000	65.380.000
					
31/12/2011	PKT 115	31/12/2011	Kết chuyển chi phí QLDN	911 642	1.062.088.000	1.062.088.000
31/12/2011	PKT 115	31/12/2011	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911 635	224.633.775	224.633.775
			Cộng phát sinh		205.715.692.661	205.715.692.661

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao

Địa chỉ : Số 28 – Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 635 – Chi phí hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHT K đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT Dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>				-	-
			Số phát sinh trong kỳ					
							
25/12/2011	GBN 1160	25/12/2011	Trả lãi vay ngân hàng tháng 12			111	16.523.612	
26/12/2011	PC 388	26/12/2011	Trả lãi tiền vay vốn			111	15.325.600	
							
31/12/2011	PKT 115	31/12/2011	Kết chuyển CP hoạt động tài chính			911		224.633.775
			Cộng phát sinh				224.633.775	224.633.775
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				-	-

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

2.2.7 Hạch toán các khoản thu nhập khác và chi phí khác

Thu nhập khác và chi phí khác của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ hoặc các điều chỉnh về thuê thu nhập hay giá trị công cụ, dụng cụ, TSCĐ ghi tăng thu nhập khác.

***Chứng từ và tài khoản sử dụng.**

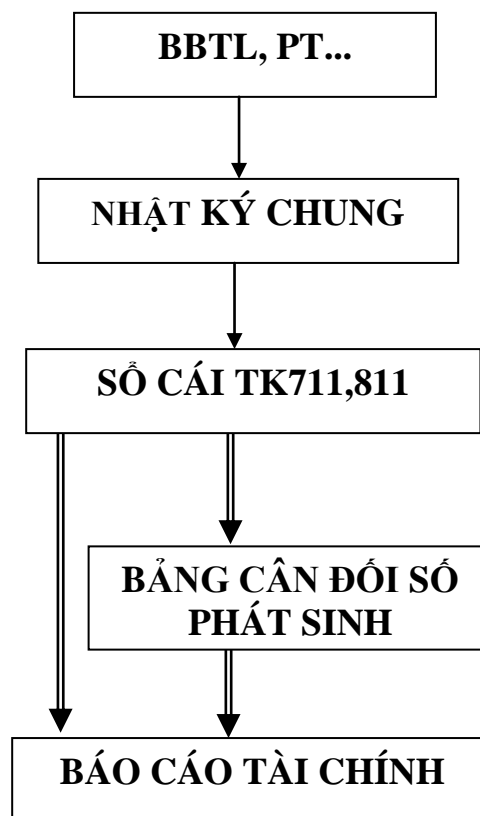
❖ Chứng từ sử dụng.

- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng.

- TK 711 – Thu nhập khác
- TK 811 – Chi phí khác.

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác



Ghi chú:

—————> : Ghi hằng ngày

=====> : Ghi cuối kỳ

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

Từ các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT , biên bản thanh lý TSCĐ căn cứ vào hóa đơn kế toán viết phiếu thu. Kế toán tiến hành ghi nhận thu nhập khác và chi phí khác. Từ hóa đơn GTGT kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung sau đó từ số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ Cái TK thu nhập khác và chi phí khác. Cuối quý tổng hợp số liệu trên sổ Cái để lập báo cáo kết quả kinh doanh và các báo cáo tài chính.

Ví dụ 7:

Ngày 15/12/2011, Công ty Cổ Phần Hai Sao nhượng bán tài sản cố định là 1 máy nâng. Nguyên giá 152.904.340 đ, đã khấu hao 97.456.982 đ. Giá nhượng bán chưa thuế GTGT 10% là 62.000.000 đ. Công ty đã nhận bằng tiền mặt.

- Căn cứ vào Biên bản bàn giao tài sản cố định, kế toán, kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 84, từ phiếu kế toán nhập vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 811.

- Số tiền thu được từ thanh lý kế toán tiến hành nhập vào phiếu thu số 125. Từ phiếu thu nhập vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung vào Sổ cái TK 711.

Biểu 2.10: Biên bản nhượng bán tài sản cố định

CÔNG TY CỔ PHẦN HAI SAO

Mẫu số: 03 – TSCĐ

Ban hành theo QĐ số: 1141/TC/QĐ/CĐKT

Ngày 1 - 11- 1998 của Bộ tài chính

BIÊN BẢN NHƯỢNG BÁN TSCĐ

Ngày 15 tháng 12 năm 2011

Số:.....

Nợ:.....

Có:.....

- Căn cứ quyết định số: 16/QĐ-HM ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Giám đốc công ty về việc nhượng bán TSCĐ.

I. BAN NHƯỢNG BÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GỒM

- Ông (Bà): Vũ Anh Tuấn, giám đốc công ty, trưởng ban.
- Ông (Bà): Trịnh Thị Hương, kế toán trưởng, ủy viên.
- Ông (Bà): Phạm Văn Tuyên, nhân viên, ủy viên.

II. TIẾN HÀNH NHƯỢNG BÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

- Tên tài sản cố định: máy nâng hàng
- Sản xuất tại: Việt Nam
- Năm sản xuất: 2004
- Năm đưa vào sử dụng: 2004
- Nguyên giá TSCĐ: 152.904.340 đồng.
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm nhượng bán: 97.456.982 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ: 55.447.358 đồng.

III. KẾT LUẬN CỦA BAN NHƯỢNG BÁN TSCĐ

Nay công ty không dùng đến máy nâng hàng. Kết luận của ban nhượng bán TSCĐ là nhượng bán phương tiện này.

Ngày 15 tháng 12 năm 2011

Trưởng ban nhượng bán.

(Ký, họ tên)

IV. KẾT QUẢ NHƯỢNG BÁN TSCĐ

- Chi phí nhượng bán TSCĐ: Không
- Giá trị thu hồi: 62.000.000 đồng
- Đã ghi giảm thẻ TSCĐ ngày 15 tháng 12 năm 2011

Ngày 15 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao*

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 15 tháng 12 năm 2011

Số: 84

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Nhượng bán máy nâng hàng	214		97.456.982	
	811		55.447.358	
	211			152.904.340
Cộng			152.904.340	152.904.340

Bằng chữ: Một trăm lăm hai triệu chín trăm nghìn tư nghìn ba trăm bốn mươi đồng

Ngày 15 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.11 : Phiếu kế toán số 84

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

CÔNG TY CỔ PHẦN HAI SAO

Số 28 – Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền - HP

Số phiếu :125

TK đối ứng : 711, 3331

PHIẾU THU

Ngày: 15/12/2011

Người nộp: Hoàng Thị Thơm
Địa chỉ: Phòng Tài chính - Kế toán
Về khoản: Thu từ nhượng bán máy nâng hàng
Số tiền: 68.200.000
Bằng chữ: Sáu tám triệu hai trăm nghìn đồng.
Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Kế toán trưởng

Kế toán thanh toán

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Sáu tám triệu hai trăm nghìn đồng.

Ngày 15 tháng 12 năm 2011

Người nộp

Thủ quỹ

Biểu số 2.12 : Phiếu thu số 125

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao
Địa chỉ : Số 28 – Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
15/12/2011	BBNB	15/12/2011	Nhượng bán máy nâng hàng	214 811 211	97.456.982 55.447.358	152.904.340
15/12/2011	PT 125	15/12/2011	Thu tiền từ nhượng bán máy nâng	111 711 3331	68.200.000	62.000.000 6.200.000
					
31/12/2011	PKT 114	31/12/2011	Kết chuyển thu nhập khác	711 911	135.500.000	135.500.000
31/12/2011	PKT 115	31/12/2011	Kết chuyển chi phí khác	911 811	106.355.250	106.355.250
			Cộng phát sinh		205.715.692.661	205.715.692.661

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao
Địa chỉ : Số 28 – Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 811 - Chi phí khác

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHT K đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT Dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>				-	-
			Số phát sinh trong kỳ					
							
15/12/2011	BBNB	15/12/2011	Nhượng bán máy nâng hàng			211	55.447.358	
							
31/12/2011	PKT 115	31/12/2011	Kết chuyển chi phí khác			911		106.355.250
			Cộng phát sinh				106.355.250	106.355.250
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				-	-

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao
Địa chỉ : Số 28 – Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 711 - Thu nhập khác

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHT K đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT Dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>				-	-
			Số phát sinh trong kỳ					
							
15/12/2011	PT 125	15/12/2011	Thu từ nhượng bán máy nâng hàng			111		62.000.000
							
31/12/2011	PKT 114	31/12/2011	Kết chuyển thu nhập khác			911	135.500.000	
			Cộng phát sinh				135.500.000	135.500.000
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				-	-

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

2.2.8. Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm : hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại. Nguyên nhân có thể do hàng bị lỗi, sai quy cách, phẩm chất do nhà sản xuất, do khâu vận chuyển hoặc chiết khấu cho khách mua hàng với số lượng lớn. Chiết khấu thương mại là một trong những phương thức nhằm kích thích tiêu thụ hàng hóa.

Để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu kế toán sử dụng các tài khoản :

- TK 521 : Chiết khấu thương mại
- TK 531 : Hàng bán bị trả lại
- TK 532 : Giảm giá hàng bán

Chứng từ sử dụng :

- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Biên bản trả lại hàng
- Chứng từ có liên quan

Quy trình luân chuyển chứng từ các khoản giảm trừ doanh thu :

Từ các chứng từ liên quan kế toán vào sổ Nhật ký chung. Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán lập sổ cái TK 521,531,532. Đồng thời kết chuyển sang TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Ví dụ 8:

Ngày 23/12/2011 phát sinh nghiệp vụ : Công ty TNHH Minh Hà gửi trả lại 2 chiếc điều hoà TOSHIBA P 5740 tổng giá trị thanh toán là 12.382.700 vì hàng không đúng yêu cầu. Công ty thanh toán lại cho cửa hàng bằng tiền mặt.

Từ hóa đơn GTGT số 0001578 kế toán phản ánh giá trị hàng bán bị trả lại vào sổ Nhật ký chung. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ Cái TK 531. Cuối quý tổng hợp số liệu trên sổ Cái kế toán lập các báo cáo tài chính.

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao**

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01/GTKT3/002			
Liên 2: Giao cho khách hàng		Ký hiệu: SS/11P			
Ngày 23 tháng 12 năm 2011		Số: 0001587			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Minh Hà					
Mã số thuế : 0200672129					
Địa chỉ : 135 Tô Hiệu – Lê Chân – Hải Phòng					
Điện thoại:					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Lương Thị Châu Loan					
Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Hai Sao					
Mã số thuế: 0200615360					
Địa chỉ: 28 – Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
01	Trả lại máy điều hoà TOSHIBA P5740 (Hàng bán trả lại)	Chiếc	02	5.628.500	11.257.000
Cộng tiền hàng:					11.257.000
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT:		1.125.700
Tổng tiền thanh toán					12.382.700
Số tiền viết bằng chữ: Chí triệu không trăm bảy tám nghìn ba trăm đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
Lương Thị Châu Loan		Ngô Thị Hạnh			

Biểu số 2.13 : Hóa đơn GTGT số 0001578

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao

Địa chỉ : Số 28 – Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03a- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
23/12/2011	HD 0001578	23/12/2011	Công ty TNHH Minh Hà trả lại 2 chiếc máy điều hoà TOSHIBA P5740	531 3331 111	11.257.000 1.125.700	12.382.700
					
31/12/2011	PKT 113	31/12/2011	Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu	511 531	124.860.600	124.860.600
			Cộng phát sinh		205.715.692.661	205.715.692.661

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao

Địa chỉ : Số 28 – Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 531 - Hàng bán bị trả lại

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHT K đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT Dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>				-	-
			Số phát sinh trong kỳ					
							
23/12/2011	HD 0001578	23/12/2011	Trả lại 2 chiếc điều hoà TOSHIBA P5740			111	11.257.000	
							
31/12/2011	PKT 113	31/12/2011	Kết chuyển hàng bán bị trả lại			511		124.860.600
			Cộng phát sinh				124.860.600	124.860.600
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				-	-

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

2.2.9 Xác định kết quả kinh doanh.

Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kết quả kinh doanh của công ty cổ phần Hai Sao
- Kết quả hoạt động cung cấp dịch vụ
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác

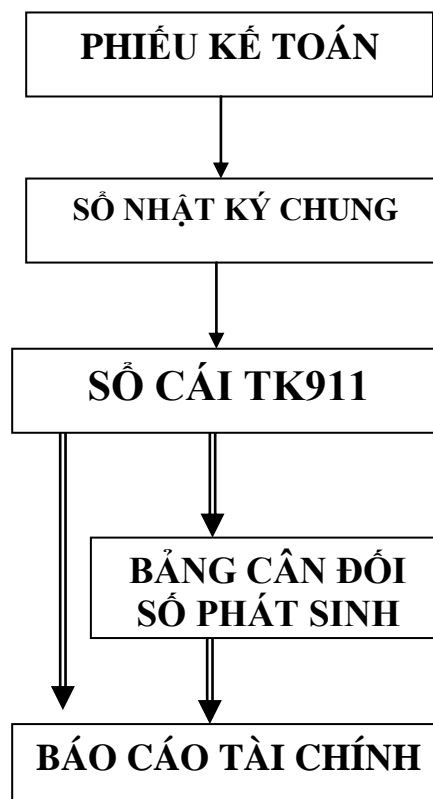
*Tài khoản sử dụng

Tk 911 –Xác định kết quả kinh doanh

TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

* Chứng từ sử dụng : Các phiếu kế toán.

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú:

————> : Ghi hằng ngày

====> : Ghi cuối tháng, định kỳ

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

Căn cứ vào các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác, chi phí khác, lỗ hoặc lãi kế toán vào sổ Nhật ký chung rồi vào sổ Cái TK 911.

*** Ví dụ 9 :**

Cuối năm 2011, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển.

Bút toán kết chuyển được thực hiện lần lượt qua các Phiếu kế toán 113, 114, 115, 116, 117, 118 . Từ số liệu trên vào sổ Nhật ký chung, căn cứ trên số liệu đó kế toán vào sổ Cái TK 911. Sau đó xác định kết quả kinh doanh

PHIẾU KẾ TOÁN
SỐ 113
Ngày 31/12/2011

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển các khoản	521		5.362.500	
	531		124.860.600	
	532		2.348.350	
giảm trừ doanh thu	511			132.571.450
Cộng			132.571.450	132.571.450

Bằng chữ: Một trăm ba hai triệu năm trăm bảy một nghìn bốn trăm năm mươi đồng

Ngày 31/12/2011

Biểu số 2.14 : Phiếu kế toán số 113

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao**

PHIẾU KẾ TOÁN
SỐ 114
Ngày 31/12/2011

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	511		53.385.065.894	
	515		55.236.045	
	711		135.500.000	
	911			53.385.065.894
Cộng			53.385.065.894	53.385.065.894

Bằng chữ: Năm ba tỉ ba trăm tám năm triệu, không trăm sáu năm nghìn, tám trăm chín tư đồng

Ngày 31/12/2011

Biểu số 2.15: Phiếu kế toán số 114

PHIẾU KẾ TOÁN
SỐ 115
Ngày 31/12/2011

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển các khoản chi phí	911		50.502.754.140	
	632			46.759.422.110
	635			224.633.775
	641			2.350.255.000
	642			1.062.088.000
	811			
Cộng			50.502.754.140	50.502.754.140
Bằng chữ : Năm mươi tỷ, năm trăm linh hai triệu, bảy trăm lăm tư nghìn một trăm bốn mươi đồng.				

Ngày 31/12/2011

Biểu số 2.16 : Phiếu kế toán 115

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao**

**PHIẾU KẾ TOÁN
SỐ 116
Ngày 31/12/2011**

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển xác định thuế TNDN	8211		768.261.957	
	3334			768.261.957
Cộng			768.261.957	768.261.957
Bằng chữ : Bảy trăm sáu tám triệu hai sáu một nghìn chín trăm lăm bảy đồng.				

Ngày 31/12/2011

Biểu số 2.17 : Phiếu kế toán 116

**PHIẾU KẾ TOÁN
SỐ 117
Ngày 31/12/2011**

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		768.261.957	
	8211			768.261.957
Cộng			768.261.957	768.261.957
Bằng chữ : Bảy trăm sáu tám triệu hai trăm sáu một nghìn chín trăm lăm bảy đồng.				

Ngày 31/12/2011

Biểu số 2.18 : Phiếu kế toán 117

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao*

PHIẾU KẾ TOÁN
SỐ 118
Ngày 31/12/2011

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển lãi	911		2.304.785.850	
	421			2.304.785.850
Cộng			2.304.785.850	2.304.785.850
Bằng chữ : Hai tỷ ba trăm linh tư triệu bảy trăm tám lăm nghìn tám trăm lăm mươi đồng				

Ngày 31/12/2011

Biểu số 2.19 : Phiếu kế toán 118

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

Các bút toán xác định kết quả kinh doanh được kế toán xác định như sau:

Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu :

Nợ TK 511 : 132.571.450
 Có TK 521 : 5.362.500
 Có TK 531 : 124.860.600
 Có TK 532 : 2.348.350

Kết chuyển các khoản doanh thu :

Nợ TK 511 : 53.385.065.894
Nợ TK 515 : 55.236.045
Nợ TK 711 : 135.500.000
 Có TK 911 : 53.575.801.940

Kết chuyển chi phí :

Nợ TK 911 : 50.502.754.140
 Có TK 632 : 46.759.422.110
 Có TK 635 : 224.633.775
 Có TK 641 : 2.350.255.000
 Có TK 642 : 1.062.088.000
 Có TK 811 : 106.355.250

Xác định thuế TNDN :

Nợ TK 8211 : 768.261.957
 Có TK 3334 : 768.261.957

Xác định chi phí thuế TNDN:

Nợ TK 911: 768.261.957
 Có TK 8211: 768.261.957

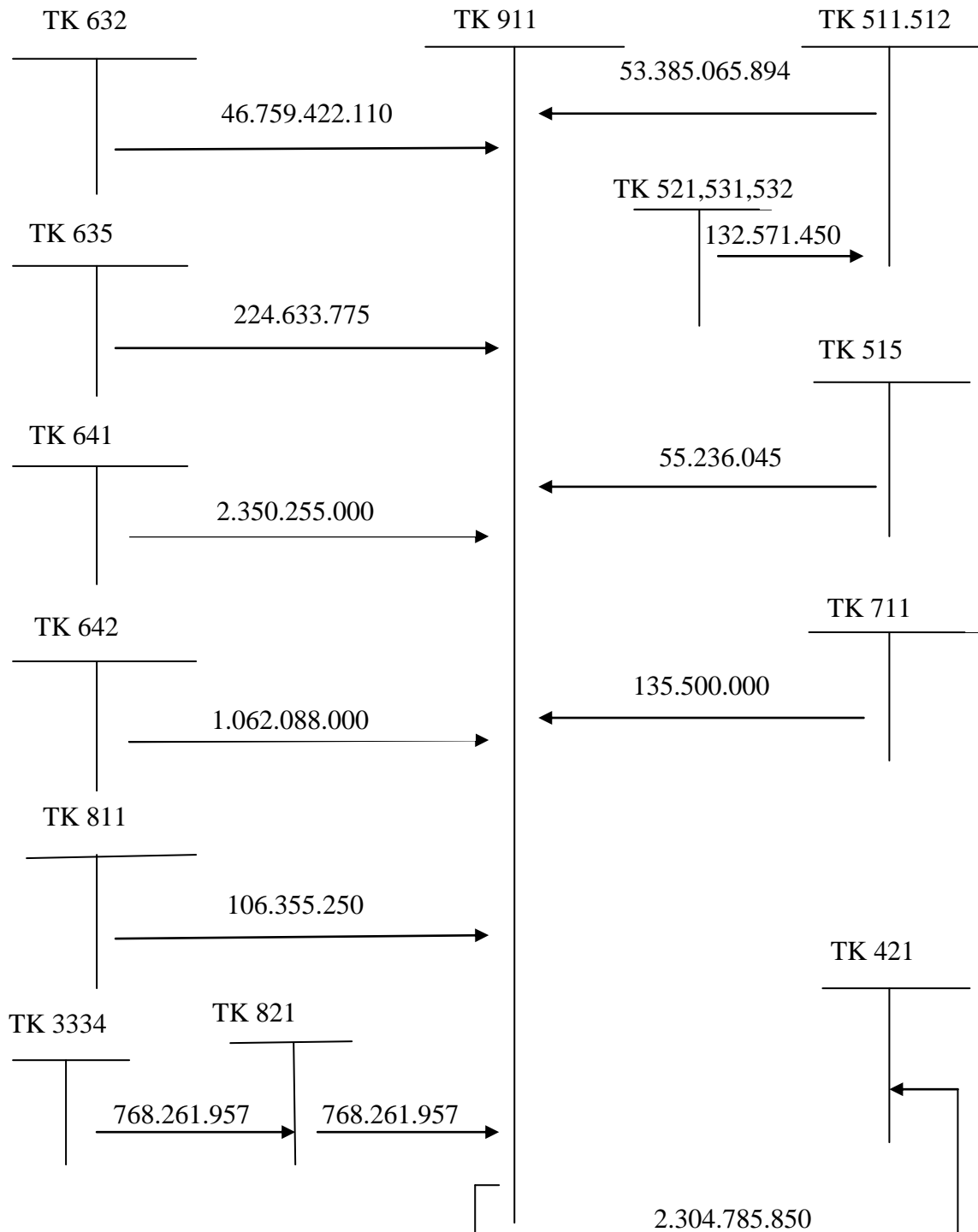
Kết chuyển lãi :

Nợ 911 : 2.304.785.850
 Có 421: 2.304.785.850

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao**

- Phương pháp xác định kết quả kinh doanh:

Sơ đồ 2.10: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao
Địa chỉ : Số 28- Lương Khánh Thiện- Ngô Quyền- HP

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
31/12/2011	PKT 113	31/12/2011	Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu	521 531 532 511	5.362.500 124.860.600 2.348.350	132.571.450
31/12/2011	PKT 114	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	511 515 711 911	53.385.065.894 55.236.045 135.500.000	53.575.801.940
31/12/2011	PKT 115	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911 632	46.759.422.110	46.759.422.110
					
31/12/2011	PKT 117	31/12/2011	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	768.261.957	768.261.957
31/12/2011	PKT 118	31/12/2011	Kết chuyển lãi	911 421	2.304.785.850	2.304.785.850
			Cộng phát sinh		205.715.692.661	205.715.692.661

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao
Địa chỉ : Số 28- Lương Khánh Thiện- Ngô Quyền- HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHTK đổi ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				-	-
			Số phát sinh trong kỳ					
							
31/12/2011	PKT 114	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu thuần			511		53.385.065.894
31/12/2011	PKT 114	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu HĐTC			515		55.236.045
							
31/12/2011	PKT 115	31/12/2011	Kết chuyển chi phí QLDN			642	1.062.088.000	
31/12/2011	PKT 117	31/12/2011	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			8211	768.261.957	
			Cộng phát sinh				53.575.801.947	53.575.801.947
			Số dư cuối kỳ				-	-

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao
Địa chỉ : Số 28 – Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHT K đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT Dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>				-	-
			Số phát sinh trong kỳ					
							
31/12/2011	PKT 116	31/12/2011	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp			3334	768.261.957	
							
31/12/2011	PKT 117	31/12/2011	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			911		768.261.957
			Cộng phát sinh				768.261.957	768.261.957
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				-	-

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao**

CÔNG TY CỔ PHẦN HAI SAO

Mẫu số B02 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm: 2011**

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3		7
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	53.517.637.344	50.618.465.092
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02		132.571.450	128.230.471
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		53.385.065.894	50.490.234.621
4.Giá vốn hàng bán	11	VI.27	46.759.422.110	45.410.067.374
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.625.643.784	5.080.167.247
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	55.236.045	45.238.034
7.Chi phí tài chính	22	VI.28	224.633.775	200.372.925
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		198.043.236	187.372.925
8. Chi phí bán hàng	24		2.350.255.000	1.850.125.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.062.088.000	923.053.862
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 20+(21-22)-(24+25))	30		3.043.903.054	2.151.853.494
11.Thu nhập khác	31		135.500.000	122.300.000
12.Chi phí khác	32		106.355.250	96.113.426
13.Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		29.144.750	26.186.574
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.073.047.800	2.178.040.068
15.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	768.261.957	544.510.017
16.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30		
17.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.304.785.850	1.633.530.051
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Chương 3

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Hai Sao

Mặc dù có bề dày phát triển chưa lâu nhưng công ty cổ phần Hai Sao đã và đang khẳng định được chỗ đứng của mình trên thương trường. Những hợp đồng bán hàng với giá trị lớn đáp ứng được yêu cầu của khách hàng nhiều vùng miền, phần nào cũng đã khẳng định được sự trưởng thành, lớn mạnh của công ty. Để có được những thành tựu như ngày hôm nay thì không thể không kể đến những cố gắng, nỗ lực của đội ngũ nhân viên tận tụy, nhiệt tình với công việc, chịu khó tìm tòi học hỏi để đổi mới công ty xây dựng công ty lớn mạnh. Những ưu điểm của công ty trong công tác tổ chức hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua các khía cạnh sau

3.1.1. Ưu điểm

3.1.1.1. Về bộ máy quản lý:

Công ty xây dựng một bộ máy quản lý theo hình thức trực tuyến chức năng, rất gọn nhẹ, hợp lý và chất lượng công việc cao.

3.1.1.2. Về bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty tương đối hoàn chỉnh, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty, phản ánh đầy đủ nội dung hạch toán, đáp ứng nhu cầu công tác quản lý. Phòng tài chính kế toán với đội ngũ cán bộ có năng lực, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong công tác quản lý đã góp phần nào đáp ứng được yêu cầu công việc. Mỗi nhân viên kế toán đều có tinh thần trách nhiệm cao, nắm vững chính sách chế độ của nhà nước cũng như công việc của mình. Các nhân viên kế toán phụ trách các phần hành có mối quan hệ mật thiết với nhau. Điều đó giúp cho công tác kế toán được chuyên môn hoá, tạo điều kiện cho mọi người có khả năng đi sâu tìm hiểu nghiệp vụ, phát huy hết

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

năng lực của mình. Đồng thời tạo ra sự thông suốt trong công tác kế toán, giúp việc cung cấp số liệu nhanh chóng, chính xác, kịp thời, đầy đủ.

Công ty áp dụng mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Mô hình tổ chức này có đặc điểm là toàn bộ công việc xử lý thông tin trong toàn doanh nghiệp được thực hiện tập trung ở phòng kế toán, còn các bộ phận và đơn vị trực thuộc khác chỉ thực hiện việc thu thập, phân loại và chuyển chứng từ và các báo cáo nghiệp vụ về phòng kế toán phục vụ cho việc xử lý, tổng hợp thông tin. Mô hình này đảm bảo giám sát, đối chiếu số liệu được thống nhất và nhanh gọn.

3.1.1.3. Về công tác kế toán

+/ Về mô hình tổ chức kinh doanh:

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh vừa tập trung, vừa phân tán. Theo hình thức này, công việc của phòng kế toán công ty được chia sẻ bớt, chỉ tổng hợp báo cáo từ phòng kinh doanh gửi lên mà không phải hạch toán các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày tại các cửa hàng. Công ty tổ chức công tác kế toán một cách kế hoạch, sắp xếp chỉ đạo từ trên xuống. Đặc biệt là các cửa hàng hạch toán rồi định kỳ gửi các bộ chứng từ và sổ sách lên phòng kinh doanh, phòng kinh doanh tổng hợp rồi gửi lên phòng kế toán để tổng hợp báo cáo toàn công ty.

- Về hình thức kế toán : Hình thức kế toán áp dụng tại công ty là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản, gọn nhẹ, dễ theo dõi.

Dựa trên những đặc điểm riêng của công ty là công ty cổ phần, có quy mô nhỏ cũng như đặc điểm về quản lý, năng lực, trình độ chuyên môn của các cán bộ kế toán nên việc áp dụng hình thức Nhật ký chung là hoàn toàn thích hợp. Cũng do đặc điểm kinh doanh và tính chất, quy mô hoạt động công ty không áp dụng phần mềm kế toán. Mẫu chứng từ cũng như trình độ luân chuyển chứng từ luôn theo đúng chế độ quy định. Cách thức ghi chép sổ sách và phương pháp hạch toán khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu quản lý, việc tổ chức hạch toán khoa học rõ ràng, giảm được công việc ghi sổ kế toán.

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

+/ Về phương pháp hạch toán hàng tồn kho và phương pháp tính thuế GTGT:

Việc áp dụng phương pháp hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế và hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên đã tạo điều kiện cho việc phản ánh sự biến động hàng ngày, hàng giờ của hàng hoá không phụ thuộc vào kết quả kiểm kê, việc tính thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và thuế GTGT phải nộp cũng đơn giản hơn.

+/ Về chứng từ sử dụng:

Chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu.

+/ Về tài khoản sử dụng

Hệ thống tài khoản kế toán của doanh nghiệp đều theo hệ thống tài khoản kế toán của quyết định 15/2006/QĐ-BTC. Ngoài ra để tiện cho việc theo dõi và hạch toán, công ty còn mở thêm các tài khoản cấp 2 và cấp 3 để tiện cho việc theo dõi và hạch toán.

+/ Về công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh :

Hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của công ty. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả, các khoản thu nhập thực tế và phần phải nộp vào ngân sách Nhà nước, đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông. Trên cơ sở đặc điểm của hàng hóa, kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp các thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng, hay các nhà cung cấp... Cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp, giúp ban Giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động kinh doanh tiêu thụ sản phẩm và chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời đúng đắn và hiệu quả.

- Nguyên tắc hoàn thiện

- Nguyên tắc phù hợp

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

- Nguyên tắc khả thi
- Nguyên tắc hiệu quả
- Yêu cầu hoàn thiện

+ Cung cấp số liệu thông tin về doanh thu và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan, kịp thời, chính xác, rõ ràng, minh bạch, hiệu quả.

+ Đảm bảo thiết thực, tiết kiệm, khả thi.

+ Phải có một quy chế kiểm tra, xử lý chặt chẽ. Kế toán trưởng phải có trình độ cao, am hiểu nhiều lĩnh vực để làm tốt công tác kế toán và lập BCTC một cách khoa học, phù hợp với nhiều đối tượng. Bên cạnh đó, lãnh đạo công ty cũng phải am hiểu về kế toán để tiện kiểm tra, theo dõi.

3.1.2. Hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm đã nêu ở trên, Công ty Cổ Phần Hai Sao còn có những tồn tại cần khắc phục:

- Thứ nhất : Việc sử dụng mẫu sổ trong hạch toán doanh thu chưa đúng, chưa đủ so với quy định chung của Bộ Tài Chính (QĐ 15/2006 QĐ – BTC ban hành ngày 20/3/2006)

Về sổ cái TK công ty sử dụng mẫu sổ cái vẫn còn thiếu các mục sau so với mẫu sổ cái theo QĐ 15/2006 của bộ tài chính. Cụ thể là :

- Ghi chú : Giúp cho giải thích rõ hơn về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong sổ Cái.

- Số trang sổ, ngày mở sổ: ghi rõ số trang của sổ

Về phiếu thu, phiếu chi : Công ty vẫn sử dụng mẫu theo quyết định 999 TC ban hành ngày 2/11/1995

- Thứ hai : Công ty chưa trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Do biến động giá cả thị trường và ảnh hưởng của nền kinh tế nên có sự thay đổi về giá bán của hàng hóa.

- Thứ ba : Công ty chưa thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội cho cán bộ công nhân viên.

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

- Thứ tư : Công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính nhưng công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán, kế toán mới chỉ làm kế toán Excel. Công việc kế toán vừa tiến hành bằng máy vừa viết tay nên đôi khi còn trùng lặp ở một số khâu.

- Thứ năm : Công tác thu hồi nợ đọng còn nhiều hạn chế. Tuy doanh nghiệp có đặc thù là doanh nghiệp thương mại nên việc cho khách hàng đặc biệt là các khách hàng quen thiếu tiền hàng là việc nên làm nhưng doanh nghiệp cũng nên xác định giới hạn nợ cho khách hàng để đảm bảo tài chính.

- Thứ sáu : Độ ngũ cán bộ công nhân viên còn trẻ nên chưa có nhiều kinh nghiệm. Bên cạnh đó có nhiều người chưa có kiến thức chuyên môn, dẫn đến hiệu quả công việc chưa cao.

- Thứ bảy : Phương pháp tính giá mà doanh nghiệp áp dụng ảnh hưởng tới việc ghi chép của kế toán. Việc tính giá vốn vào cuối mỗi quý sẽ rất nhiều dễ dẫn đến sai sót.

3.2. Phương hướng, nhiệm vụ của công ty trong thời gian tới

- Phát triển theo định hướng chung của xã hội. Hoạch định cụ thể các chiến lược kinh doanh, chiến lược nguồn nhân lực, chiến lược tài chính, và chiến lược thương hiệu cho giai đoạn 2010-2015.

- Đa dạng hoá lĩnh vực và thị trường kinh doanh, tập trung vào các mặt hàng có chất lượng cao, phẩm chất tốt, giá thành hợp lí.

- Duy trì và ngày càng khẳng định thương hiệu với khách hàng nói chung và khách hàng quen thuộc nói riêng, cùng các đối tác, tạo dựng thương hiệu ngày càng vững chắc

- Thực hiện việc tái cấu trúc tài chính ngay từ cuối năm 2011 để đảm bảo cấu trúc nợ/vốn chủ sở hữu ở mức hợp lý so với các doanh nghiệp trong ngành xây dựng hạ tầng và so với thị trường chung.

- Lập kế hoạch xử lý dứt điểm các khoản công nợ và giảm tỷ lệ hàng tồn kho/doanh thu trong năm 2012; bù đắp các khoản tổn thất tài sản bằng lợi nhuận và chênh lệch do đánh giá lại tài sản

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xây dựng lại hệ thống quản lý doanh nghiệp

(đang thực hiện) định kỳ cải tiến và nâng cấp hệ thống quản lý; bổ sung nguồn nhân lực đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Chú trọng đầu tư ngân sách phù hợp cho hoạt động bán hàng, truyền thông và nâng cao mức độ nhận biết thương hiệu của Công ty trong các khách hàng tiềm năng và các nhà đầu tư.

3.3. Một số biện pháp hoàn thiện

3.3.1. Sự tất yếu phải hoàn thiện

Sự chuyển đổi nền kinh tế đất nước từ thời kỳ bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của nhà nước là một yếu tố khách quan. Trong điều kiện môi trường mới, cùng với sự tiến bộ không ngừng của khoa học kỹ thuật đang từng giờ làm thay đổi thế giới, mở rộng và hội nhập nền kinh tế thế giới là một yêu cầu cần thiết. Để đứng vững và tồn tại trên thị trường đòi hỏi mỗi cá nhân, mỗi doanh nghiệp không thể hài lòng với những gì đạt được, muốn chiếm lĩnh thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung và công ty cổ phần Hai Sao nói riêng phải cạnh tranh gay gắt, mặt khác phải luôn năng động, nhanh nhạy, nắm bắt được xu thế của thị trường, không ngừng mở rộng quan hệ buôn bán, hợp tác trao đổi công nghệ, kinh nghiệm nâng cao chất lượng vận chuyển nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu người tiêu dùng.

Muốn làm được các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến, hoàn thiện công tác quản lý nhằm tối đa hoá lợi nhuận với mức chi phí thấp nhất. Trong các công cụ quản lý đó, kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực nhất. Thông qua việc thu nhập ghi chép, xử lý, tính toán tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo một hệ thống khoa học của kế toán: Chứng từ, tài khoản, tính toán tổng hợp cân đối... để có thể cung cấp đầy đủ thông tin chính xác kịp thời về tình hình tái sản, sự biến động của công ty tạo điều kiện cho công ty đưa ra những quyết định đúng đắn và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra các báo cáo tài chính sẽ cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm về tình hình tài chính triển vọng phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Hoàn thiện công tác kế toán thì hệ thống chứng từ ban đầu sẽ nâng cao được tính chính xác tạo điều kiện cho kế toán theo dõi tình hình sản xuất kinh doanh. Việc hoàn thiện góp phần sử dụng đúng tài khoản để phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán đồng thời giúp cho các bạn hàng, ngân hàng, những người quan tâm đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp biết.

Số liệu kế toán phải chính xác tuyệt đối, phải đảm bảo dễ hiểu, rõ ràng minh bạch công khai thể hiện sự tiết kiệm nhưng có hiệu quả.

3.3.2 Mục đích và yêu cầu của việc hoàn thiện

Để đưa ra được những biện pháp mang tính khả thi, chúng ta cần dựa trên một số những căn cứ sau:

- Chế độ tài chính kế toán: mỗi quốc gia đều xây dựng cho mình một hệ thống kế toán riêng phù hợp với đặc điểm, tình hình kinh tế đất nước.

Trên cơ sở đó các doanh nghiệp vận dụng vào thực tế công tác kế toán của đơn vị mình cho phù hợp. Vì vậy hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng chế độ kế toán.

- Tình hình thực tế của đơn vị: các doanh nghiệp không thể dập khuôn máy móc chế độ kế toán vào công tác hạch toán kế toán của đơn vị mình mà phải biết vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo sao cho phù hợp với đặc điểm của đơn vị mình để công tác hạch toán kế toán có thể thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của nó.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có hiệu quả và đem lại lợi nhuận cao.

Do vậy, những biện pháp hoàn thiện phải phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp mình.

3.3.3. Ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hoá, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu sản phẩm, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành sản phẩm tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy chính xác cao giúp cho nhà quản lý đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi khó khăn của doanh nghiệp từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.3.4. Biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Hai Sao.

Dựa trên những mặt hạn chế đã nêu ra và thông qua những kiến thức đã được học em xin đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Hai Sao như sau:

Kiến nghị 1 : Về việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại công ty cổ phần Hai Sao.

Công ty Cổ Phần Hai Sao là công ty chuyên cung cấp các mặt hàng điện tử, nhưng trong một vài năm gần đây do sự phát triển của khoa học công nghệ hiện đại nên một số mặt hàng bị kém chất lượng, lỗi thời, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển nên có sự thay đổi về giá bán của hàng hoá. Một số mặt hàng bị giảm giá như: tủ lạnh, máy tính, tivi.... Do vậy công ty nên mở TK 159 – “dự phòng giảm giá hàng tồn kho” là cần thiết.

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

Công ty phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho giúp công ty bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do hàng hoá tồn kho bị giảm giá; đồng thời cũng để phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của công ty khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ hạch toán.

Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải theo chế độ tài chính hiện hành. Mức trích lập dự phòng được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá vật} \\ \text{tur hàng hóa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng vật tư} \\ \text{hàng hóa thực tế} \\ \text{tồn kho tại thời} \\ \text{điểm lập báo cáo} \\ \text{tài chính} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá gốc} \\ \text{hàng tồn} \\ \text{kho theo} \\ \text{sổ kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có} \\ \text{thể thực hiện} \\ \text{được của hàng} \\ \text{tồn kho} \end{array}$$

Sau khi lập dự phòng giảm giá cho từng mặt hàng tồn kho, kế toán phải tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng giảm giá của từng mặt hàng tồn kho vào bảng kê chi tiết làm căn cứ để tính toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ. Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được theo dõi trên TK159.

Phương pháp hạch toán cụ thể như sau:

+/ Cuối kỳ kế toán, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+/ Cuối kỳ kế toán tiếp theo:

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch sẽ lớn hơn, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch sẽ nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632: Giá vốn hàng bán

Kiến nghị 2 : *Việc thu hồi công nợ.*

- Cần có các quy định cụ thể trong việc thanh toán như áp dụng chặt chẽ thưởng phạt nghiêm minh, từ mềm mỏng đến cứng rắn để thu hồi nợ. Các biện pháp phải đảm bảo hai nguyên tắc : lợi ích của công ty không bị xâm phạm đồng thời không bị mất đi bạn hàng.

- Đối với các khách hàng thường xuyên có uy tín, thanh toán đúng và trước hạn thì công ty nên áp dụng chính sách “chiết khấu thanh toán”. Công ty nên quy định thời gian thanh toán tiền hàng ví dụ trong vòng ba tháng. Để công ty thu được tiền sớm, tránh tình trạng bị khách hàng chiếm dụng vốn công ty có thể sử dụng chiết khấu thanh toán. Như vậy, công ty sẽ tránh khỏi tình trạng bị chiếm dụng vốn, đồng thời làm tăng vòng quay của vốn giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để áp dụng chiết khấu thanh toán trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu theo thời gian, cụ thể:

- Nếu khách hàng thanh toán tiền trong vòng 15 ngày đầu sẽ được hưởng mức chiết khấu từ 2,5% - 3% tùy thuộc vào giá trị khoản nợ.

- Nếu khách hàng thanh toán tiền từ ngày thứ 15 đến 1 tháng đầu sẽ được hưởng mức chiết khấu từ 2%- 2,4%.

- Nếu khách hàng thanh toán tiền trong vòng 2 tháng đầu sẽ được hưởng mức chiết khấu từ 1,5%- 2,9%.

- Nếu khách hàng thanh toán tiền trong vòng 3 tháng đầu sẽ được hưởng mức chiết khấu từ 1%- 1,4%.

Sau khi xác định mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua TK 635 -Chi phí tài chính (phản ánh khoản chi phí công ty phải chịu do giảm trừ khoản phải thu do khách hàng thanh toán trước thời hạn)

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

Hàng tháng, kế toán tổng hợp căn cứ vào chứng từ ghi chép các khoản chiết khấu thanh toán dành cho từng khách hàng để ghi vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 635:

Có TK 1312:

Ví dụ: Tính đến hết ngày 31/12/2011 công ty Việt Dung còn nợ công ty là 263.860.686 đ.

Công ty Việt Dung đã thanh toán tiền hàng trong vòng 15 ngày đầu nên đã được hưởng mức chiết khấu 3%.

Chiết khấu thanh toán cho khách hàng là:

$$263.860.686 * 3\% = 7.915.820 \text{ đ}$$

Số tiền công ty thực thu: $263.860.686 - 7.915.820 = 255.944.866 \text{ đ}$.

Kiến nghị 3:

Công ty nên tiến hành bảo hiểm xã hội cho nhân viên để đảm bảo gắn bó lợi ích của nhân viên với lợi ích của doanh nghiệp. Tiến hành các khoản trích theo lương theo quy định (năm 2011) như sau:

Chỉ tiêu	Người lao động đóng góp (trừ vào thu nhập)	Người sử dụng lao động đóng góp (tính vào chi phí sản xuất)
1.BHXH: 22%	6%	16%
2.BHYT: 4,5%	1,5 %	3%
3. KPCĐ: 2%	-	2%
4.BHTN :2%	1%	1%
Tổng	8,5%	22%

Kiến nghị 4: Về chứng từ, sổ sách kế toán

Hiện nay hệ thống sổ sách kế toán của công ty cổ phần Hai Sao vẫn chưa được hoàn thiện, trong thời gian tới công ty nên cố gắng hoàn thiện hệ thống sổ kế toán. Cụ thể như sau:

- Công ty nên bổ sung những mục còn thiếu trong hệ thống sổ sách và áp

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao***

dụng mẫu sổ sách theo đúng quy định của Bộ Tài Chính, cũng như thường xuyên cập nhật những thay đổi trong quy định về chế độ kế toán hiện hành. Cụ thể là: công ty nên sử dụng phiếu thu, phiếu chi đúng mẫu theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 (mẫu biểu 3.1 và 3.2)

- Công ty nên mở sổ chi tiết hàng hoá để theo dõi cho từng mặt hàng, là công ty chuyên buôn bán các mặt hàng điện tử nên theo dõi chi tiết cho từng loại hàng hoá như: ti vi, máy điều hoà, tủ lạnh.....(mẫu biểu 3.3). Từ đó thì có thể vào sổ tổng hợp chi tiết tài khoản 511 để dễ dàng theo dõi, đối chiếu số liệu. (mẫu số 3.4).

Dưới đây em xin đưa ra mẫu phiếu thu, chi theo QĐ15/2006, mẫu sổ chi tiết bán hàng, sổ này theo dõi cho từng loại tivi của công ty và bảng tổng hợp chi tiết TK 511 theo dõi cho từng loại tivi của công ty:

Đơn vị:

Mẫu số: 01- TT

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 02 tháng 12 năm 2011

Số:

Nợ TK111:.....

Có TK 112:

Họ tên người nộp tiền :

Địa chỉ :

Lý do nộp :

Số tiền :

Số tiền viết bằng chữ: :

Kèm theo :Chứng từ gốc

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc (ký,họ tên)	Kếtoántrưởng (ký,họ tên)	Người nộp tiền (ký,họ tên)	Người lập biểu (ký,họ tên)	Thủ quỹ (ký,họ tên)
--------------------------------	------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	-------------------------------

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ):.....

Biểu số 3.1: Mẫu phiếu thu theo QĐ15/2006

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty Cổ Phần Hai Sao**

Đơn vị:

Mẫu số: 02- TT

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 02 tháng 12 năm 2011

Số:

Nợ TK111:.....

Có TK 112:

Họ tên người nộp tiền :

Địa chỉ :

Lý do nộp :

Số tiền :

Số tiền viết bằng chữ: :

Kèm theo :Chứng từ gốc

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập biểu	Thủ quỹ
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ):.....

Biểu số 3.2: Mẫu phiếu chi theo QĐ15/2006

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao

Địa chỉ : 28 Lương Khánh Thiện- Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên hàng hoá: Ti vi

Tháng ... năm

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521,531, 532)
			Cộng số phát sinh			X			

Ngàytháng.....năm

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 3.3: Mẫu sổ chi tiết bán hàng

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Hai Sao

Đơn vị : Công ty Cổ Phần Hai Sao

Địa chỉ : 28 Lương Khánh Thiện- Ngô Quyền- Hải Phòng

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TK 511
Tháng.....năm.....

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên chi tiết	Số dư đầu tháng		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	Cộng						

Ngày.....tháng..... năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.4: Mẫu sổ tổng hợp chi tiết TK 511

****/ Một số kiến nghị khác:***

+/ Với sự phát triển của công nghệ thông tin, công ty đã có trang bị đầy đủ các máy tính và máy in trong các phòng ban của công ty, đặc biệt là đối với phòng kế toán. Nhưng công ty chưa trang bị phần mềm kế toán, với phần mềm kế toán thì đây là một hình thức kế toán hiện đại, nhanh chóng chính xác, sẽ giảm được sự chông chéo trong công việc, nâng cao chất lượng công việc. Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như:

- Phần mềm kế toán Fast của công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast.

- Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft.

- Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa.

- Phần mềm SAS-INNOVA của công ty Cổ phần SIS Việt Nam. ...

Hiệu quả và chất lượng công việc do sự hỗ trợ của phần mềm kế toán là rất lớn, điều này chắc chắn lãnh đạo công ty cũng nhận thức rõ. Trong thời gian tới hy vọng với sự phát triển của mình công ty sẽ khắc phục được khó khăn, ứng dụng phần mềm cho công tác kế toán.

+/ Với nhân viên bán hàng công ty nên có chính sách khen thưởng động viên kịp thời như: ngoài phần lương chính, công ty nên có thêm phần khuyến khích cho nhân viên khi bán được nhiều sản phẩm trong một tháng hay một quý.

+/ Công ty nên quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên có điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán là người có trách nhiệm cao.

KẾT LUẬN

Trong cơ chế hiện nay, vấn đề kế toán thực sự có vị trí quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là công cụ quan trọng cho các nhà quản lý nghiên cứu vận dụng, hoàn thiện vấn đề này và hoàn toàn cần thiết với công ty.

Sau một thời gian thực tập tại công ty Cổ Phần Hai Sao, tìm hiểu về công tác kế toán tại công ty, được sự giúp đỡ của các cô, chú trong công ty cùng với sự hướng dẫn của Thạc sĩ Phạm Văn Tường – Giảng viên hướng dẫn, em đã vận dụng lý thuyết, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, học tập thêm được những bài học và kinh nghiệm làm việc quý báu. Điều đó giúp em hiểu sâu hơn về lý luận chung, so sánh được sự giống và khác nhau giữa lý luận và thực tiễn nhằm bổ sung kiến thức đã được học trên ghế nhà trường.

Do thời gian thực tập có hạn cũng như nhận thức của bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận này còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo, cán bộ kế toán của công ty cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình và chu đáo của ban kế toán công ty cổ phần Hai Sao, Giảng viên – Thạc sĩ Phạm Văn Tường cùng các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh nói chung và ngành Kế toán – Kiểm toán trường Đại học dân lập Hải Phòng đã giúp em hoàn thành đợt thực tập cũng như bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Các chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành
2. Các thông tư hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực kế toán Việt Nam
3. TS. Hà Thị Ngọc Hà, 342 sơ đồ kế toán doanh nghiệp, NXB Lao động – Xã hội, 2006
4. PGS. TS Nghiêm Văn Lợi , Giáo trình kế toán tài chính, NXB tài chính 2007
5. PGS. Nguyễn Thị Đông, Giáo trình hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp, nhà xuất bản thống kê, trường ĐH Kinh tế quốc dân
6. Tài liệu của công ty Cổ Phần Hai Sao
7. Khóa luận các năm trước của trường ĐH DL Hải Phòng.